

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG CHÀ
TRƯỜNG MẦM NON SỐ 1 NA SANG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

ĐIỆN BIÊN - NĂM 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG CHÀ
TRƯỜNG MẦM NON SỐ 1 NA SANG
BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Điêu Thanh Hương	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Lò Thị Hòa	Phó Hiệu trưởng	P.chủ tịch Hội đồng	
3	Hoàng Thị Tính	TT-TMG	Thư ký Hội đồng	
4	Điêu Thị Hà	GV	Ủy viên Hội đồng	
5	Nguyễn Thị Dinh	GV	Ủy viên Hội đồng	
6	Điêu Thị Nhung	TP-TMG	Ủy viên Hội đồng	
7	Thái Thị Vui	TT-CMNT	Ủy viên Hội đồng	
8	Đỗ Thị Vân	TT-TVP	Ủy viên Hội đồng	
9	Lò Thị Hòa	BT-ĐTNC SHCM	Ủy viên hội đồng	
10	Lò Thị Hà	TP-TCMNT	Ủy viên hội đồng	
11	Bùi Thị Thu Trang	GV	Ủy viên Hội đồng	
12	Lò Thị Nguyên	GV	Ủy viên Hội đồng	
13	Lê Thanh Nhân	GV	Ủy viên Hội đồng	
14	Phạm Thị Ngọc	Kế toán	Ủy viên Hội đồng	
15	Lê Bích Phương	GV	Ủy viên Hội đồng	
16	Lò Thị Hồng	GV	Ủy viên Hội đồng	
17	Bùi Thị Liệu	GV	Ủy viên Hội đồng	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	3 - 4
Danh mục các chữ cái viết tắt	5
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	6-7
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	8-11
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	12
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	12
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	15
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHUẨN MỨC 1, 2 và 3	15
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	15-43
Mở đầu	
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	15-18
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác	18-20
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	20-23
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	23-26
Tiêu chí 1.5: Tuyển sinh, tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo	27-29
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	29-31
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, GV và NV	31-33
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	33-36
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	36-38
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	38-40
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	41-43
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, NV	43--52
Mở đầu	
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	43-46
Tiêu chí 2.2: Đối với GV	46-48
Tiêu chí 2.3: Đối với NV	48-51
Kết luận về Tiêu chuẩn 2	51-52
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	52-63
Mở đầu	
Tiêu chí 3.1: Địa điểm, quy mô, diện tích đảm bảo theo quy định của Bộ GD&ĐT	52-54
Tiêu chí 3.2: Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đảm bảo theo tiêu chuẩn CSVC mức độ 2 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ GD&ĐT	54-59
Tiêu chí 3.3: Hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình kiên cố và thiết bị dạy học đảm bảo tiêu chuẩn CSVC tối thiểu đối với trường mầm non theo quy định của Bộ GD&ĐT	59-62
Kết luận về Tiêu chuẩn 3	62-63
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	63-69

Mở đầu	
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ	63-66
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	66-69
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	69
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	69-80
Mở đầu	
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non	69-73
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ	73-76
Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe	76-79
Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục	79-81
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	81-82
II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4	82
Tiêu chí 1:	82-83
Tiêu chí 2:	83-84
Tiêu chí 3:	84-86
Tiêu chí 4:	86-87
Tiêu chí 5:	87-88
Tiêu chí 6:	88-90
<i>Kết luận tiêu chí mức 4</i>	88
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	91-92
Phần IV. PHỤ LỤC	92

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Chữ viết tắt	Nội dung viết tắt
1	CSGD	Chăm sóc giáo dục
2	CBQL	CBQL
3	GV	GV
4	NV	NV
5	BCH	Ban chấp hành
6	ĐTNCSHCM	Đoàn thanh niên công sản Hồ Chí Minh
7	GD&ĐT	GD&ĐT
8	PHT	Phó hiệu trưởng
9	GDMN	Giáo dục mầm non
10	CNTT	Công nghệ thông tin
11	VSATTP	Vệ sinh an toàn thực phẩm
12	GVMN	GV mầm non
13	CSVC	CSVC
14	GDMN5T	Giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi
15	HT	Hiệu trưởng
16	UBND	Ủy ban nhân dân
17	GD	Giáo dục
18	CBGVNV	Cán bộ GV NV
19	CBQL-GV-NV	Cán bộ quản lý- giáo viên- nhân viên
20	CMTE	Cha mẹ trẻ em

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá theo từng tiêu chí từ Mức 1, 2 và 3

(Đánh dấu (x) vào ô kết quả tương ứng Đạt hoặc Không đạt)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	
Tiêu chí 1.6		x	x	x
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x		
Tiêu chí 3.2		x	x	
Tiêu chí 3.3		x	x	x
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	x

Tiêu chí 4.2		x	x	x
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	x
Tiêu chí 5.4		x	x	x

Kết quả: Mức 1 đạt 22/22 tiêu chí.

Mức 2 đạt 21/21 tiêu chí

Mức 3 đạt 12/15 tiêu chí; Không đạt: 03/15 tiêu chí

1.2. Đánh giá tiêu chí mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1		x	
Tiêu chí 2	x		
Tiêu chí 3		x	
Tiêu chí 4		x	
Tiêu chí 5	x		
Tiêu chí 6	x		

Kết quả: Mức 4 đạt 3/6 tiêu chí; Không đạt 3/6 tiêu chí

2. Kết luận: Trường đạt kiểm định chất lượng cấp độ 2

Phần I:
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trường mầm non số 1 Na Sang

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân huyện Mường Chà

Tỉnh	Điện Biên	Họ và tên Hiệu trưởng	Đieu Thanh Hương
Huyện	Mường Chà	Điện thoại	0826388979
Xã	Na Sang	Fax	
Đạt Chuẩn quốc gia	Mức độ 1 năm 2020	Website	https://mnso1nasang.muongcha.edu.vn
Năm thành lập trường Quyết định số: 661/QĐ- UBND ngày 22 tháng 07 năm 2015 của Chủ tịch UBND huyện Mường Chà	2015	Số điểm trường	6
Công lập	x	Loại hình khác	Không
Tư thực	Không	Thuộc vùng khó khăn	Không
Trường chuyên biệt	Không	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Xã 135
Trường liên kết với nước ngoài	Không		

1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

Số nhóm, lớp	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024	Năm học 2024- 2025
Nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi	0	0	0	0	0
Nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi	1	2	2	2	1
Nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi	6	5	5	5	5
Số lớp Mẫu giáo ghép 3- 4 tuổi	4	5	5	5	4
Số lớp Mẫu giáo ghép 4-5 tuổi	4	4	3	3	2
Số lớp Mẫu giáo ghép 3-4- 5 tuổi	3	2	2	2	3

Số lớp MG 5-6 tuổi	1	1	2	2	2
Cộng	19	19	19	19	17

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

Stt	Số liệu	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
I	Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	19	19	19	19	17
1	Phòng kiên cố	9	9	9	9	8
2	Phòng bán kiên cố	10	10	10	10	9
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0
II	Khối phòng phục vụ học tập	0	0	0	1	0
1	Phòng kiên cố	0	0	0	0	0
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	1	0
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0
III	Khối phòng hành chính quản trị	9	9	9	9	10
1	Phòng kiên cố	0	0	0	0	0
2	Phòng bán kiên cố	9	9	9	9	10
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0
IV	Khối phòng T/c ăn	5	5	5	5	5
1	Phòng kiên cố	0	0	0	0	0
2	Phòng bán kiên cố	1	1	1	1	1
3	Phòng tạm	4	4	4	4	4
	Cộng	33	33	33	33	32

3. CBQL-GV-NV

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	1	1	0	0	1	
Phó hiệu trưởng	1	1	1	0	0	1	
GV	29	29	19	0	1	28	
NV	9	2	7	7	1	1	
Cộng	40	38	28	7	2	31	

b) Số liệu của 5 năm gần đây

TT	Số liệu	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
1	Tổng số GV	27	28	28	29	29
2	Tỷ lệ trẻ em/ GV (đối với nhóm trẻ)	12	12	13	13	12,4
3	Tỷ lệ trẻ em/ GV (đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)	0	0	0	0	0
4	Tỷ lệ trẻ em/GV (đối với lớp mẫu giáo có trẻ em bán trú)	16	17	16	14	13,26
5	Tổng số GV dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	7	7	8	8	12
6	Tổng số GV dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	2	2	2	2	2
	Số liệu khác (nếu có)	0	0	0	0	0

4. Trẻ em

Stt	Số liệu	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Ghi chú
1	Tổng số trẻ em	397	405	400	376	376	
	- Nữ	202	200	187	184	186	
	- Dân tộc	387	398	394	370	364	
2	Đối tượng chính sách	241	252	256	234	239	
3	Khuyết tật	1	1	1	0	0	
4	Tuyển mới	24	28	40	43	45	
5	Học 2 buổi/ngày	397	405	400	376	376	
6	Bán trú	397	405	400	376	376	
7	Tỷ lệ trẻ em/lớp	24,1	24,7	23,3	21	22,9	

8	Tỷ lệ trẻ em/nhóm	15,2	15,4	17,1	18	20,66	
	- Trẻ em từ 03 đến 12 tháng tuổi	0	0	0	0	0	
	- Trẻ em từ 13 đến 24 tháng tuổi	24	28	40	43	45	
	- Trẻ em từ 25 đến 36 tháng tuổi	83	80	80	83	79	
	- Trẻ em từ 3-4 tuổi	112	86	83	82	85	
	- Trẻ em từ 4-5 tuổi	95	114	84	83	79	
	- Trẻ em từ 5-6 tuổi	83	97	112	85	88	
	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	0	0	0	0	0	
	Các số liệu khác (nếu có)	0	0	0	0	0	

5. Công tác phổ cập

TT	Kết quả thực hiện	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
1	Tỷ lệ (%) huy động trẻ em từ 03-36 tháng tuổi	107/194= 55.1	110/198 =55,5	120/248 =48,3	126/238 =52.9	124/235 =52.7
2	Tỷ lệ (%) huy động trẻ Mẫu giáo từ 3-5 tuổi ra lớp	289/289 =100	292/292 =100	279/279 =100	248/248 =100	249/249 =100
3	Tỷ lệ (%) huy động trẻ Mẫu giáo 5 tuổi ra lớp	83/83=1 00%	97/97=1 00	112/112 =100	83/83 =100	83/83 =100
4	Tỷ lệ (%) trẻ Mẫu giáo 5 tuổi hoàn thành chương trình	83/83= 100	97/97 =100	112/112 =100	83/83= 100	Chưa đánh giá

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường.

Trường mầm non số 1 Na Sang được thành lập từ năm 2015. Trải qua các giai đoạn xây dựng và trưởng thành từ Trường Mầm non Mường Mươn, đến tháng 04/2015 được UBND huyện Mường Chà ra Quyết định chia tách thành 2 trường là Trường mầm non số 1 Na Sang và Trường Mầm non số 2 Na Sang. Từ khi thành lập đến nay Trường mầm non số 1 Na Sang luôn giữ vững. Nhà trường đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến, Tập thể lao động xuất sắc thành tích năm sau luôn cao hơn năm trước.

Trường có 06 điểm trường với 17 nhóm, lớp và 376 học sinh. Trong những năm qua Trường mầm non số 1 Na Sang luôn chấp hành và triển khai thực hiện tốt các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước và bám sát các quy định theo Điều lệ trường Mầm non. Trường mầm non số 1 Na Sang đã và đang từng bước nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, khẳng định được uy tín của nhà trường với cấp trên và với phụ huynh học sinh. Nhà trường đã xây dựng được đội ngũ GV tương đối đồng đều về chuyên môn, nghiệp vụ, có nhiều cán bộ, GV được công nhận danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp cơ sở. Trong các năm gần đây, chất lượng của nhà trường luôn giữ vững. Tỷ lệ trẻ được nuôi ăn bán trú đạt 100%, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng dưới 3%. Hiện nay, trường có 40 CBQL-GV-NV, trong đó có CBQL 02 đồng chí, 29 GV trực tiếp giảng dạy, 01 NV y tế, 01 NV kế toán, 02 NV bảo vệ và 05 NV nuôi dưỡng. Tỷ lệ cán bộ, GV đạt trên chuẩn là 100%. Trường có Chi bộ Đảng độc lập với 27 Đảng viên. Chi bộ nhà trường luôn được công nhận là Chi bộ trong sạch, vững mạnh. Các tổ chức đoàn thể như Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Ban đại diện cha mẹ học sinh đều hoạt động tích cực, góp phần cùng nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong từng năm học.

CSVC của nhà trường được đầu tư xây dựng khang trang, có 8 phòng học kiên cố, có 09 phòng học bán kiên cố, 03 phòng ngủ kiên cố, 01 phòng ngủ bán kiên cố dành cho nhóm trẻ; Có 3 phòng phục vụ học tập: 01 phòng giáo dục thể chất, 02 phòng giáo dục nghệ thuật; khối phòng hành chính quản trị của nhà trường đảm bảo đủ theo quy định, các công trình khác được xây dựng kiên cố, bán kiên cố; bếp ăn được xây dựng bán kiên cố và sắp xếp theo quy trình bếp một chiều. Trường có tường bao xây kiên cố và bán kiên cố ngăn cách với bên ngoài, có sân chơi được láng sạch sẽ, sân chơi có 5 loại đồ chơi ngoài trời đa

dạng phong phú; 17/17 nhóm, lớp có đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị phục vụ cho hoạt động dạy và học theo quy định.

Tổng diện tích đất của nhà trường là 4.627,9m², trong đó: Diện tích sàn xây dựng là $2.786,8/4.627,9m^2 = 60,2\%$ diện tích sân vườn có $1.583,9/4.627,9m^2 = 33,9\%$ (bao gồm sân chơi, bồn hoa, vườn rau, khu vui chơi trải nghiệm), đường nội bộ là $257,9/4.627,9m^2 = 6\%$ đảm bảo theo quy định. Trường có hệ thống bồn hoa, cây cảnh, vườn hoa, vườn rau, vườn cây của bé được cắt tỉa và chăm sóc thường xuyên, đảm bảo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp, thân thiện và an toàn.

Sau gần 10 năm thành lập cùng với sự nỗ lực phấn đấu của tập thể CBGV, NV trong nhà trường qua các năm học, Trường mầm non số 1 Na Sang đã có những bước phát triển về mọi mặt. Nhiều năm liền trường đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc được Ủy ban nhân dân huyện Mường Chà tặng Giấy khen và Ủy ban nhân tỉnh tặng Bằng khen, bằng khen của thủ tướng chính phủ, Cờ thi đua xuất sắc. Trường được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 và kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2.

2. Mục đích tự đánh giá

Tự đánh giá là quá trình nhà trường tự kiểm tra, đánh giá trên cơ sở các tiêu chuẩn đánh giá do Bộ GD&ĐT ban hành. Việc tự đánh giá giúp nhà trường xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn, để xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ, thông qua báo cáo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường.

Thông qua việc tự đánh giá, nhận thức của tập thể CBGV, NV về công tác chăm sóc - giáo dục trẻ được thay đổi theo chiều hướng tích cực. Công tác quản lý nhà trường ngày một chặt chẽ và nền nếp hơn. Công tác tự đánh giá thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong toàn bộ hoạt động giáo dục. Mỗi cá nhân nhận thức rõ hơn vai trò và trách nhiệm của mình trước nhiệm vụ được giao.

Kết quả tự đánh giá giúp cho tập thể CBGV, NV xác định được những điểm mạnh, điểm yếu. Từ đó có kế hoạch cải tiến, khắc phục phù hợp để cải thiện chất lượng hoạt động của nhà trường trong thời gian tới và những năm tiếp theo.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

3.1. Quá trình tự đánh giá

Hoạt động tự đánh giá của nhà trường được thực hiện theo đúng quy trình

Bộ GD&ĐT hướng dẫn gồm 7 bước sau:

- Bước 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá.
- Bước 2. Lập kế hoạch tự đánh giá.
- Bước 3. Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.
- Bước 4. Đánh giá các mức độ đạt được theo từng tiêu chí.
- Bước 5. Viết báo cáo tự đánh giá.
- Bước 6. Công bố báo cáo tự đánh giá.
- Bước 7. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

3.2. Những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự động đánh giá

Nhà trường đã triển khai cụ thể kế hoạch tự đánh giá tới toàn thể CBGV, NV của nhà trường theo Thông tư 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Bộ GD&ĐT Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; văn bản hợp nhất số 13/VBHN-BGDĐT ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Bộ GD&ĐT ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn Quốc gia đối với trường mầm non. Thực hiện thành lập Hội đồng tự đánh giá có trách nhiệm xây dựng kế hoạch tổng thể và chi tiết, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, tổ chức hướng dẫn kỹ năng viết phiếu đánh giá tiêu chí, xác định nội hàm, gợi ý tìm minh chứng cho từng nhóm. Hội đồng tự đánh giá được chia thành 05 nhóm, mỗi nhóm được phân công thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng, nghiên cứu đánh giá 01 tiêu chuẩn.

Tự đánh giá là quá trình liên tục thực hiện theo kế hoạch, đòi hỏi tính khách quan, trung thực và công khai, có sự tham gia của tập thể và cá nhân trong nhà trường. Các giải thích, nhận định, kết luận đưa ra trong quá trình tự đánh giá được dựa trên các minh chứng cụ thể, đảm bảo độ tin cậy.

Để báo cáo tự đánh giá đảm bảo tính chính xác, trung thực, khách quan, Hội đồng tự đánh giá đã tiến hành đánh giá bằng nhiều phương pháp khác nhau. Trong đó chủ yếu bằng phương pháp khảo sát thực tế tất cả các hoạt động của nhà trường liên quan đến nội dung của 5 tiêu chuẩn. Trong quá trình đánh giá nhà trường căn cứ vào các văn bản quy định kiểm định chất lượng giáo dục mầm non do Bộ GD&ĐT ban hành để làm cơ sở cho việc tiến hành tự đánh giá. Ngoài ra, nhà trường còn sử dụng các phương tiện hỗ trợ khác (mạng Internet, các thông tin điện tử, máy vi tính, máy in, máy ảnh....) để khai thác thông tin, minh chứng và viết báo cáo.

Công cụ đánh giá là Bộ tiêu chuẩn gồm: 5 tiêu chuẩn và mức 4 theo Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non và Thông tư 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Bộ GD&ĐT Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; văn bản hợp nhất số 13/VBHN-BGDĐT ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Bộ GD&ĐT ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn Quốc gia đối với trường mầm non.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, MỨC 2 VÀ MỨC 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường mầm non số 1 Na Sang có cơ cấu, tổ chức bộ máy theo đúng quy định của Điều lệ trường mầm non, có các tổ chức Đảng, đoàn thể phối hợp thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có các tổ chuyên môn và tổ văn phòng thực hiện tốt mọi nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, số lớp, số trẻ đảm bảo theo quy định. Nhà trường luôn chấp hành tốt mọi chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, chấp hành sự lãnh đạo, chỉ đạo của chính quyền địa phương và cơ quan quản lý giáo dục các cấp, thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường. Thực hiện quản lý hành chính và thường xuyên tổ chức, thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua do ngành giáo dục và địa phương phát động. Nhà trường xây dựng kế hoạch phát triển GD&ĐT phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường. Quản lý chặt chẽ các hoạt động giáo dục, CBGV, NV, theo đúng các quy định hiện hành. Công tác an ninh trật tự luôn được quan tâm, nhằm giữ vững an ninh trật tự, bảo đảm an toàn tuyệt đối cho CBGV, NV và học sinh trong toàn trường. Các hoạt động lễ hội, văn nghệ, vui chơi được tổ chức thường xuyên, có hiệu quả phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục Mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng GD&ĐT.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), CBQL-GV-NV, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của các cấp, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Na Sang, nhiệm kỳ 2020-2025, căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch được giao hàng năm. Nhà trường đã xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2030 phù hợp với mục tiêu GDMN được quy định tại Luật GD số 43/2019/QH14 nhằm phát triển toàn diện trẻ em về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào học lớp một, phù hợp định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã Na Sang theo từng giai đoạn, sát với thực tế, phù hợp với các nguồn lực của nhà trường [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02].

Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030 và kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường từng năm học được phòng GD&ĐT huyện Mường Chà, UBND xã Na Sang phê duyệt để triển khai, thực hiện hiệu quả [H1-1.1-02];

Hàng năm nhà trường làm tốt công tác công khai phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường bằng hình thức niêm yết tại bảng tin, đăng tải trên Website: <https://mnso1nasang.muongcha.edu.vn> của nhà trường để toàn thể CBGV, NV nhà trường, các bậc phụ huynh, nhân dân được biết và tham gia góp ý [1.1-03].

Mức 2:

Hàng năm, nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giám sát việc tổ chức thực hiện kế hoạch tuyển sinh, các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục theo kế hoạch giáo dục của nhà trường, việc thực hiện quy chế dân chủ trong quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục. Huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho nhà trường; thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường; kiểm tra nội bộ đánh giá chất lượng đội ngũ, chất lượng học sinh, chất lượng các hội thi; giám sát công tác xây dựng và sử dụng CSVC, trang thiết bị dạy học đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05].

Mức 3:

Nhà trường định kỳ 01 năm/lần rà soát, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển cho phù hợp với điều kiện thực tế. Nhà trường tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường; CBQL-GV-NV thông qua họp hội nghị công NV chức, cha mẹ trẻ thông qua họp ban đại diện cha mẹ học sinh [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05]; [H1-1.1-06]; [H1-1.1-07].

2. Điểm mạnh

Hàng năm, nhà trường xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật Giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của đơn vị, được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của nhà trường để toàn thể CBGV, NV, bậc phụ huynh và cộng đồng được biết, tham gia góp ý kiến. Hàng năm thực hiện rà soát, bổ sung, điều chỉnh các mục tiêu, phương hướng phát triển của nhà trường để phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, địa phương và thống nhất xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường đã đưa ra các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường theo giai đoạn, theo năm học hiệu quả.

3. Điểm yếu: Không**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí

Nhà trường tiến hành rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường để phù hợp với mục tiêu của GDMN và phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của địa phương.	CBQL, GV	Rà soát chiến lược phát triển nhà trường. Xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường.	Trong năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo.	Không
Tiếp tục công khai phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường bằng hình thức đăng tải trên cổng thông tin điện tử của nhà trường và phương tiện thông tin đại chúng của địa phương để đạt hiệu quả cao hơn.	CBQL-GV-NV, trưởng các thôn bản	Trang thông tin điện tử, bản tin của trường.	Trong năm học 2024-2025 và các năm tiếp theo.	Không
Tiếp tục phát huy sự tham gia đóng góp của các thành viên trong Hội đồng trường, CBQL-GV-NV, cha mẹ trẻ em và cộng đồng vào phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.	CBQL-GV-NV, cha mẹ trẻ em và cộng đồng	Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.	Trong năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác.

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường có hội đồng trường được UBND huyện Mường Chà thành lập theo Quyết định số 5487/QĐ-UBND, ngày 03/10/2023; Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2025 của UBND huyện Mường Chà Về việc kiện toàn các Hội đồng trường nhiệm kỳ 2023-2028; Hằng năm được kiện toàn bổ sung theo quy định. Các Hội đồng khác do hiệu trưởng thành lập theo quy định: Hội đồng thi đua khen thưởng. Hội đồng chăm sóc kiến kinh nghiệm. Hội đồng tự đánh giá trường mầm non. Hội đồng tư vấn. Hội đồng rà soát, đồ chơi học liệu. Hội đồng chấm thi GV dạy giỏi cấp trường [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04]; [H1-1.2-05]; [H1-1.2-06]; [H1-1.2-07]; [H1-1.2-08].

Hội đồng trường và các hội đồng khác thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT, ngày 31/12/2020 Thông tư Ban hành Điều lệ trường mầm non. Hội đồng trường Quyết nghị về mục tiêu, chiến lược phát triển, kế hoạch hoạt động hằng năm của nhà trường; quyết nghị quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường; xem xét, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định của nhà trường, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; quyết nghị về tổ chức, nhân sự; quyết nghị về chủ trương sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường; Hội đồng thi đua, khen thưởng tổ chức họp xét đề nghị các cấp khen thưởng đối với CBQL-GV-NV trong nhà trường. Hội đồng chăm sóc kiến đánh giá, nhận xét phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng đối với sáng kiến. Hội đồng chấm thi GV dạy giỏi công nhận, tôn vinh GV đạt danh hiệu GV dạy giỏi. Hội đồng tự đánh giá tổ chức triển khai hoạt động tự đánh giá và tư vấn cho hiệu trưởng các biện pháp duy trì, nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường. Hội đồng tư vấn thực hiện tư vấn các hoạt động giáo dục trong nhà trường; Hội đồng rà soát, lựa chọn đồ chơi, học liệu tổ chức lựa chọn, đề xuất danh mục đồ chơi, học liệu được sử dụng trong nhà trường [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04]; [H1-1.2-05]; [H1-1.2-06]; [H1-1.2-07]; [H1-1.2-08].

Hoạt động của Hội đồng trường và các Hội đồng khác được định kỳ rà soát đánh giá, điều chỉnh bổ sung nội dung hoạt động cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương [H1-1.1-06]; [H1-1.1-04].

Mức 2:

Hội đồng trường và các Hội đồng khác duy trì hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ của nhà trường [H1-1.1-04]; [H1-1.1-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng Tư vấn được thành lập có đầy đủ thành viên theo quy định, thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định. Hằng năm Hội đồng trường và các Hội đồng khác tổ chức các hoạt động có hiệu quả theo đúng quy định theo Điều lệ trường mầm non, các Hội đồng được định kỳ rà soát đánh giá, điều chỉnh bổ sung nội dung hoạt động cho phù hợp với điều kiện thực tế góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tham mưu Kiện toàn hội đồng trường (nếu có thay đổi nhân sự) và kiện toàn các hội đồng khác trong nhà trường theo quy định	Ủy ban nhân dân huyện, Hiệu trưởng	Tờ trình, các quyết định thành lập, kiện toàn.	Khi có sự thay đổi thành viên HĐ trường	Không
Hội đồng trường và các Hội đồng khác tiếp tục phát huy hơn nữa hiệu quả hoạt động, kiểm tra giám sát góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ của nhà trường.	Thành viên các hội đồng	Phân công nhiệm vụ, các quyết định thành lập.	Tháng 8, 9 hàng năm	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng**Mức 1:**

Nhà trường có 01 tổ chức Công đoàn gồm 35 công đoàn viên. Ban chấp hành công đoàn gồm 01 chủ tịch, 01 phó chủ tịch và 01 ủy viên; Chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh gồm 19 đoàn viên. Ban chấp hành chi đoàn gồm: Bí thư, phó bí thư và 01 ủy viên [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02].

Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường luôn phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong công tác xây dựng kế hoạch, đảm bảo thực hiện hoạt động theo quy định, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ. Thực hiện tốt các hoạt động phong trào, chăm lo đời sống CBQL-GV-NV và công tác quyên góp ủng hộ từ thiện đảm bảo theo quy định của nhà trường và của cấp trên. [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04].

Hằng năm, các đoàn thể, tổ chức tự rà soát, đánh giá nhằm bổ sung, điều chỉnh hoạt động phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường. Được cấp trên đánh giá hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04]; [H1-1.3-05].

Mức 2:

Nhà trường có Chi bộ Đảng độc lập Chi bộ nhà trường có 27 Đảng viên, Ban chấp hành chi bộ nhà trường gồm có 03 đồng chí (Gồm 01 bí thư Chi bộ, 01 phó bí thư, 01 ủy viên), hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, chi bộ nhà trường được Đảng ủy xã Na sang đánh giá hoàn thành tốt

nhiệm vụ trở lên. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, chi bộ nhà trường được Đảng ủy xã Na Sang đánh giá 2 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ và 03 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3-06]; [H1-1.3-07]; [H1-1.3-08].

Trong 5 năm liên tiếp các đoàn thể, tổ chức khác tích cực phối kết hợp với nhà trường thực hiện đảm bảo chỉ tiêu, kế hoạch đề ra góp phần nâng cao chất lượng hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, chất lượng GV, chất lượng các hội thi, các hoạt động phong trào của nhà trường [H1-1.1-04]; [H1-1.3-05].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Chi bộ nhà trường được Đảng ủy xã Na Sang đánh giá 2 năm 2022, 2023 được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ và 3 năm 2020, 2021, 2024 được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3-08].

Các tổ chức đoàn thể và các tổ chức khác của nhà trường hàng năm đều có những đóng góp tích cực vào các hoạt động của nhà trường và cộng đồng như: tham gia đóng góp đầy đủ các loại quỹ: quỹ khuyến học, quỹ nhân đạo, quỹ vì người nghèo, quỹ phòng chống thiên tai, mỗi năm tham gia hiến máu nhân đạo có từ 07 đến 10 đồng chí, các hoạt động đó đã đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng [H1-1.3-05]; [H1-1.3-09].

2. Điểm mạnh.

Nhà trường có 01 Chi bộ Đảng độc lập. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Đảng Ủy xã Na Sang, Chi bộ nhà trường liên tục đạt danh hiệu hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Công đoàn, chi đoàn, các đoàn thể, tổ chức khác trong nhà trường đều hoạt động tích cực, hiệu quả và là lực lượng nòng cốt, luôn gương mẫu trong các hoạt động, đặc biệt là công tác chuyên môn luôn thực hiện đảm bảo chỉ tiêu, kế hoạch đề ra góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cũng như phong trào văn hóa, văn nghệ, hội thi, hội giảng, phong trào hiến máu nhân đạo của nhà trường và cộng đồng.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Duy trì các tổ chức, đoàn thể và xây dựng kế hoạch	Chi bộ, các tổ chức đoàn	Kế hoạch hoạt động	Trong các năm học	Không

hoạt động cụ thể, hướng tới các nhiệm vụ hỗ trợ nhà trường, cộng đồng để thực hiện nuôi dưỡng, CSGD trẻ em.	thể.	của các tổ chức, đoàn thể		
Chi bộ nhà trường tham mưu Đảng ủy xã xây dựng và thực hiện chỉ tiêu phát triển của nhà trường, làm tốt công tác phát triển Đảng (nhiệm kỳ 2022-2025; nhiệm kỳ 2025-2027)	Chi bộ	Nghị quyết đại hội chi bộ	Trong năm 2024-2025	Không
Nhà trường giới thiệu quần chúng ưu tú tham gia lớp học nhận thức chính trị về Đảng.	Ban chi ủy, các đảng viên trong chi bộ	Đảng viên, Đoàn viên ưu tú	Trong năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo.	Không
Công đoàn xây dựng kế hoạch và tổ chức tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước tới đoàn viên công đoàn.	BCH công đoàn	Kế hoạch	Trong các năm học	Không
Chi đoàn thanh niên thực hiện tốt hơn việc sinh hoạt định kỳ, gắn các nội dung về đổi mới phương pháp CSGD trẻ, các phong trào thi đua, kết hợp với ĐTNCSHCM xã Na Sang phát triển phong trào thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ.	BCH chi đoàn	Kế hoạch	Trong các năm học	

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng.

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng**Mức 1:**

Nhà trường có hiệu trưởng và 01 phó hiệu trưởng theo quy định tại Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập. Thiếu 01 PHT theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập [H1-1.4-01].

Năm học 2024 - 2025 nhà trường có 02 tổ chuyên môn và 1 tổ văn phòng. Trong đó: Tổ nhà trẻ có 10 đồng chí, tổ mẫu giáo có 19 đồng chí và tổ văn phòng có 05 đồng chí. Các tổ chuyên môn có tổ trưởng và tổ phó. Tổ văn phòng có tổ trưởng; Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng hoạt động theo quy định tại Điều lệ trường Mầm non [H1-1.4-02]; [H1-1.4-03].

Hằng năm tổ văn phòng, tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch hoạt động theo năm học, tháng, tuần. Tổ văn phòng sinh hoạt định kỳ ít nhất một tháng một lần, tổ chuyên môn sinh hoạt định kỳ ít 2 lần/tháng theo đúng Điều lệ trường Mầm non và các nhiệm vụ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho các thành viên trong tổ, được định kì kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng CSGD; quản lý việc sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục,

hồ sơ sổ sách; việc thực hiện quy chế chuyên môn; tham gia đánh giá xếp loại CBQL, GV, NV trong tổ theo quy định [H1-1.1-04]; [H1-1.4-04].

Mức 2:

Hằng năm các tổ chuyên môn căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của ngành, của trường, căn cứ vào tình hình thực tế của tổ đề xuất về phương pháp, hình thức tổ chức lớp học và các chuyên đề như: chuyên đề giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, giáo dục phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu, lồng ghép giáo dục học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, tăng cường tiếng Việt cho trẻ dân tộc thiểu số, chuyên đề “Tôi yêu Việt Nam”. Các chuyên đề được tổ chức có tác dụng thiết thực nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục trong nhà trường [H1-1.1-04]; [H1-1.4-05].

Trong 5 năm qua các tổ chuyên môn, tổ văn phòng tổ chức hoạt động theo đúng kế hoạch được định kỳ rà soát, kiểm tra, đánh giá từ đó có sự điều chỉnh bổ sung kế hoạch các tháng tiếp theo cho phù hợp với điều kiện thực tế của tổ [H1-1.1-04]; [H1-1.4-04].

Mức 3:

Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường như: Tổ chức các chuyên đề, xây dựng khẩu phần, thực đơn đảm bảo dinh dưỡng cho trẻ, phối hợp tổ chức tốt các hội thi, các hoạt động tham quan, lễ hội; Thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ 2 lần/tháng theo quy định, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học của tổ, tham gia đánh giá chuẩn nghề nghiệp GV, đánh giá NV theo quy định; góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của nhà trường [H1-1.1-02]; [H1-1.4-04]; [H1-1.4-05].

Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề, thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1.4-04]; [H1-1.4-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có Hiệu trưởng; phó hiệu trưởng theo quy định tại Thông tư số 19/2023/TTLT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục

mầm non công lập. Có 02 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng. Tổ chuyên môn và tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ theo năm học, tháng, tuần, định kỳ sinh hoạt chuyên môn 2 lần/tháng theo quy định của Điều lệ trường Mầm non, tích cực đổi mới nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Định kỳ thực hiện rà soát, đánh giá, điều chỉnh bổ sung các hoạt động phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị. Tích cực đổi mới nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục kiện toàn và duy trì cơ cấu tổ chức của tổ chuyên môn, tổ văn phòng theo quy định.	CBQL, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng	Các quyết định thành lập.	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo.	Không
Tổ chức có hiệu quả sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề tổ theo nghiên cứu bài học. Đổi mới nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn: Dành thời gian để trao đổi thảo luận về đổi mới phương pháp giảng dạy lấy trẻ làm trung tâm, ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động...	CBQL, tổ trưởng, GV cốt cán.	Các kế hoạch của tổ chuyên môn, tổ văn phòng.	Từ tháng 09 đến hết tháng 5 năm học 2024-2025.	Không
Chủ động tích cực sáng tạo (phương pháp, hình thức) hơn trong việc đề xuất sinh hoạt chuyên đề để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trong nhà trường.	CBQL, tổ trưởng, các thành viên tổ chuyên môn, tổ văn phòng.	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ; Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn.	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.5: Tuyển sinh, tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo

Mức 1:

a) Thực hiện tuyển sinh theo yêu cầu *Phổ cập Giáo dục Mầm non* cho trẻ 5 tuổi theo quy định.

b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường Mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp Mẫu giáo ghép;

c) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày;

Mức 2:

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trong các năm học qua nhà trường thực hiện tuyển sinh theo yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi theo quy định, đảm bảo số lớp, số học sinh ra lớp Theo Điều 5 trong Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 của Chính phủ Nghị định Quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập: Có kế hoạch tuyển sinh, quyết định thành lập ban tuyển sinh, văn bản xin ý kiến hội đồng trường... Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024 – 2025 trường đều thực hiện huy động trẻ 0-5 tuổi ra lớp trên 75%, trẻ 3-5 tuổi và trẻ 5 tuổi đạt 100% [H1-1.5-01].

Trong các năm học qua nhà trường có các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, được phân chia theo độ tuổi và lớp ghép theo quy định của Điều lệ trường Mầm non. Năm học 2024-2025 nhà trường có 17 nhóm lớp với 376 trẻ, trong đó: 6 nhóm trẻ với 124 trẻ, 11 lớp mẫu giáo với 252 trẻ: MGL 02 lớp: 32 trẻ; Mẫu giáo ghép 3 độ tuổi 03 lớp: 56 trẻ, Mẫu giáo ghép 2 độ tuổi 06 lớp: 164 trẻ. Trẻ khuyết tật ra lớp học hòa nhập được bố trí vào các nhóm, lớp một cách phù hợp. [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

100% các nhóm, lớp được tổ chức ăn bán trú học 2 buổi/ngày đảm bảo theo quy định [H1-1.1-04]; [H1-1.5- 01].

Mức 2:

Trong các năm học số trẻ trong các lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi, nhà trường không có số trẻ vượt quá quy định mức tối đa theo Thông tư số

52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ trường mầm non. Năm học 2024-2025, trường có 17 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo với 376 trẻ, trong đó: 06 nhóm trẻ với 124 học sinh, 11 lớp mẫu giáo với 252 trẻ: Mẫu giáo lớn 02 lớp: 32 trẻ; Mẫu giáo ghép 3 độ tuổi 03 lớp: 56 trẻ, Mẫu giáo ghép 2 độ tuổi 06 lớp: 164 trẻ. Các nhóm, lớp đều được phân chia theo độ tuổi [H1-1.1-04]; [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường tổ chức tuyển sinh theo yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi đúng theo quy định, đảm bảo số lớp, số học sinh ra lớp. Hàng năm các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo của nhà trường được phân chia theo độ tuổi quy định tại Điều lệ trường mầm non, 100% các lớp được học 2 buổi/ngày và ăn bán trú tại trường. Trẻ khuyết tật ra lớp học hòa nhập được bố trí vào các nhóm, lớp một cách phù hợp.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục tăng cường các biện pháp huy động tối đa số trẻ trong độ tuổi ra lớp, đặc biệt là trẻ từ 0-2 tuổi và trẻ 3-5 tuổi, duy trì và tổ chức tốt các nhóm, lớp đảm bảo số lượng trẻ/nhóm, lớp theo quy định.	CBQL, GV.	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học. Kế hoạch giáo dục trẻ em.	Trong năm 2024-2025 và các năm học tiếp theo	Không
Tiếp tục bố trí sắp xếp nhóm lớp cho trẻ phù hợp theo độ tuổi.	CBQL-GV-NV	Phân công nhiệm vụ, Kế hoạch mở lớp	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo	Không
Làm tốt công tác bố trí sắp xếp các nhóm/lớp đảm bảo đủ số lượng trẻ/ nhóm, lớp theo quy định của Điều lệ trường Mầm non.	CBQL, GV.	Kế hoạch chỉ đạo năm học. Kế hoạch mở lớp	Năm học 2024-2025. Trong các năm học tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đầy đủ các loại hồ sơ sổ sách đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường Mầm non như: Hồ sơ quản lý trẻ em; Hồ sơ quản lý CBGV, NV; Kế hoạch phát triển nhà trường và kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo năm học; Hồ sơ phổ cập giáo dục; Hồ sơ quản lý tài sản, tài chính; Hồ sơ quản lý các văn bản và được lưu trữ đầy đủ theo quy định tại mục 1 chương II của Luật Lưu trữ [H1-1.5-02]; [H1-1.6-01]; [1.6-02]; [H1-1.6-03]; [H1-1.6-04]; [H1-1.6-05].

Hằng năm nhà trường đều lập dự toán, thực hiện công tác thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản theo quy định; Định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản, lưu trữ chứng từ thu, chi, quyết toán đầy đủ và công khai theo quy định. Quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và các quy định hiện hành. Có đầy đủ các chứng từ, lưu trữ theo quy định [H1-1.6-05]; [1.6-06]; [1.6-07].

Trong 5 năm vừa qua nhà trường làm tốt công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động chăm sóc, giáo dục. Có đầy đủ hồ sơ, chứng từ, lưu trữ theo quy định [1.6-08]; [H1-1.6-09]

Mức 2 :

Trong các năm học qua nhà trường đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. Hệ thống máy tính được kết nối mạng Internet, sử dụng phần mềm Misa phục vụ cho công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản. Sử dụng phần mềm phổ cập và cơ sở dữ liệu quốc gia trong các hoạt động giáo dục của nhà trường [1.6-08].

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán [H1-1.6-09].

Mức 3:

Nhà trường có đầy đủ kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương như: Kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục hằng năm, kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030, kế hoạch vận động tài trợ hằng năm, đề án tự chủ và triển khai thực hiện kế hoạch có hiệu quả [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02]; [H1-1.6-10].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các loại hồ sơ sổ sách, được lưu trữ đầy đủ theo quy định của Luật lưu trữ. Hằng năm đã làm tốt công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động chăm sóc, giáo dục. Quy chế chi tiêu nội bộ hằng năm được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và các quy định hiện hành. Trong những năm vừa qua nhà trường sử dụng có hiệu quả việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. Trong 5 năm liên tiếp nhà trường được các cấp kiểm tra đánh giá, kết luận không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản. Nhà trường quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài chính từ ngân sách nhà nước cấp và kinh phí xã hội hóa giáo dục; khai thác và sử dụng có hiệu quả CSVC hiện có để phục vụ cho các hoạt động giáo dục.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản có đủ hồ sơ, sổ sách theo quy định, tiếp tục quản lý có hiệu quả các nguồn lực tài chính CSVC nhằm phục vụ thiết thực hoạt động giáo dục của nhà trường.	Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, kế toán	Dự toán kinh phí, Hồ sơ kế toán.	Năm học 2024-2025 và năm học tiếp theo	Không
Xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn nhằm tạo ra nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện thực tế nhà trường, đặc biệt là việc huy động các nguồn lực từ cộng đồng.	Viên chức quản lý, GV, NV kế toán	Kế hoạch dự toán ngân sách, kế hoạch cải tạo CSVC	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo.	300.000 .000
Tích cực hơn nữa trong công tác tuyên truyền tới nhân dân, các đoàn thể, các bậc cha mẹ học sinh về kế hoạch vận động tài trợ nhằm tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp để tăng cường CSVC, thiết bị phục vụ công tác chăm sóc giáo dục trẻ.	Các đoàn thể xã hội, nhân dân, phụ huynh CBQL, GV	Kế hoạch vận động tài trợ; bài tuyên truyền	Năm học 2024-2025 và năm học tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng CBQL-GV-NV rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) CBQL-GV-NV được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có biện pháp để phát huy được năng lực của CBQL-GV-NV trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, GV và NV, Kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng chuyên đề trong đó đề ra các biện pháp để phát huy được năng lực của CBQL-GV-NV nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H1-1.1-04]; [H1-1.4-04]; [H1-1.4-05]; [H1-1.7-01].

Hàng năm căn cứ vào kế hoạch nhiệm vụ năm học, hiệu trưởng ra Quyết định phân công nhiệm vụ, sử dụng CBQL-GV-NV rõ ràng, phù hợp với năng lực sở trường công tác nhằm phát huy khả năng của mỗi cá nhân trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD của nhà trường [H1-1.1-04]; [H1-1.7-02].

100% CBQL-GV-NV được đảm bảo các quyền theo quy định của điều 10, điều 29 Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GD&ĐT. 100% GV, NV được đảm bảo các quyền: được tôn trọng, bảo vệ nhân phẩm, danh dự và thân thể, được hưởng các quyền lợi về vật chất, tinh thần theo quy định; được tự chủ thực hiện nhiệm vụ chuyên môn với sự hỗ trợ của tổ chuyên môn và nhà trường, được đảm bảo các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; được hưởng tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các chế độ khác theo quy định của pháp luật; được tạo điều kiện học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, hưởng nguyên lương, phụ cấp theo lương và các chế độ chính sách khác theo quy định khi được cấp có thẩm quyền cử đi học tập bồi dưỡng; được khen thưởng, tặng danh hiệu thi đua và các danh hiệu cao quý khác, các quyền khác theo quy định của pháp luật [H1- 1.6-07]; [H1-1.7-01]; [H1-1.7-03].

Mức 2:

Trong các năm qua nhà trường có các biện pháp để phát huy năng lực của CBQL-GV-NV. Nhà trường tạo điều kiện cho CBQL-GV-NV tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ như: tham gia học lớp bồi dưỡng lý luận chính trị, chức danh nghề nghiệp, tin học, ngoại ngữ...Tổ chức có hiệu quả các hoạt động giáo dục góp phần phát triển và nâng cao chất lượng toàn diện của nhà trường [H1-1.1-04]; [H1-1.3-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng đầy đủ các loại kế hoạch, các nội dung bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL-GV-NV theo quy định; phân công nhiệm vụ cụ thể, hợp lý, rõ ràng phù hợp với năng lực, điều kiện hoàn cảnh của

từng cá nhân; có những biện pháp phát huy được khả năng của đội ngũ CBQL-GV-NV trong xây dựng, phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. 100% CBQL-GV-NV trong nhà trường được bảo đảm các quyền theo quy định.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ CBQL, GV và NV	CBQL, Tổ trưởng	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn	Năm học 2024-2025 và các năm tiếp theo	Không
Động viên và tạo điều kiện cho NV tham gia học các lớp nâng chuẩn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Hiệu trưởng	NV	Năm học 2024-2025 và các năm tiếp theo	Không
Phân công nhiệm vụ phù hợp với năng lực sở trường của từng người	Hiệu trưởng	PHT, GV, NV	8/2024	Không
Khen thưởng, động viên kịp thời cho CBQL-GV-NV	Hiệu trưởng	PHT, GV, NV	Năm học 2024-2025 và các năm tiếp theo	Không
Tham mưu mở các lớp bồi dưỡng tập huấn nghiệp vụ cho các NV	Hiệu trưởng	NV	Năm học 2024-2025 và các năm tiếp theo	Không
Đảm bảo đầy đủ các quyền lợi cho CBQL-GV-NV theo quy định.	CBQL-GV-NV	Điều lệ trường mầm non. Các văn bản quy định chế độ chính sách cho CBQL-GV-NV.	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng**Mức 1:**

Hàng năm, nhà trường căn cứ vào Chương trình Giáo dục Mầm non do Bộ GD&ĐT ban hành để chỉ đạo xây dựng chương trình giáo dục nhà trường. Năm học 2024-2025 nhà trường xây dựng chương trình giáo dục nhà trường theo Thông tư 51/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GD&ĐT Thông tư sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục Mầm non, lựa chọn mục tiêu, nội dung, hoạt động phù hợp với nhận thức của học sinh, đảm bảo mục tiêu cuối độ tuổi, phù hợp với điều kiện của lớp, của trường và địa phương [H1-1.1-04]; [H1-1.8-01].

Nhà trường chỉ đạo GV các nhóm, lớp thực hiện đầy đủ, nghiêm túc kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em theo năm, tháng, chủ đề, tuần, ngày đảm bảo có hiệu quả theo quy định của Chương trình GDMN [H1-1.8-02].

Đầu năm học hàng năm, nhà trường tổ chức đánh giá thẩm định chương trình, trong năm học đánh giá quá trình thực hiện và cuối năm học tổ chức đánh giá hiệu quả việc thực hiện chương trình giáo dục nhà trường. Nhà trường thường xuyên kiểm tra, rà soát, đánh giá việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục của GV. Từ đó ra biện pháp điều chỉnh, bổ sung kịp thời để thực hiện tốt hơn trong thời gian tiếp theo [H1-1.8-03].

Mức 2:

Nhà trường có các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động nuôi dưỡng, CSGD trẻ, được Phòng GD&ĐT đánh giá đạt hiệu quả như: phân công các PHT phụ trách chỉ đạo kế hoạch giáo dục theo từng khối lớp, đưa nội dung kiểm tra việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo

dục vào kế hoạch kiểm tra nội bộ của trường, mỗi chủ đề, mỗi tháng PHT phụ trách khối duyệt kế hoạch giảng dạy của GV, thực hiện kiểm tra đột xuất việc xây dựng kế hoạch và thực hiện kế hoạch giáo dục của GV ở các điểm trường lẻ. CBQL, GV tham gia sinh hoạt chuyên môn cụm trường, chuyên đề cấp huyện đầy đủ. Qua kết quả kiểm tra, khảo sát chất lượng, qua kết quả Hội thi của trẻ, GV của Phòng GD&ĐT nhà trường được đánh giá là một trong những trường hiệu quả chất lượng CSGD đạt tỷ lệ cao trong huyện [H1-1.1-04]; [H1-1.6-04]; [H1-1.8-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục đầy đủ theo thông tư quy định. Chương trình giáo dục của nhà trường bám sát chương trình GDMN của Bộ GD&ĐT ban hành và phù hợp với điều kiện thực tế địa phương, lựa chọn mục tiêu, nội dung, hoạt động phù hợp với nhận thức của học sinh, đảm bảo mục tiêu cuối độ tuổi, phù hợp với điều kiện của lớp, của trường và địa phương. phân công các PHT phụ trách chỉ đạo kế hoạch giáo dục theo từng khối lớp, đưa nội dung kiểm tra việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục vào kế hoạch kiểm tra nội bộ của trường, mỗi chủ đề, mỗi tháng PHT phụ trách khối duyệt kế hoạch giảng dạy của GV, thực hiện kiểm tra đột xuất việc xây dựng kế hoạch và thực hiện kế hoạch giáo dục của GV ở các điểm trường lẻ. Qua kết quả kiểm tra, khảo sát chất lượng, qua kết quả Hội thi của trẻ, GV của Phòng GD&ĐT nhà trường được đánh giá là một trong những trường hiệu quả chất lượng CSGD đạt tỷ lệ cao trong huyện.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Hàng năm tiếp tục xây dựng Kế hoạch tuyển sinh, Kế hoạch hoạt động giáo dục, Kế hoạch quản lý tài chính tài sản, tổ chức bộ máy và nhân sự và thực hiện đầy đủ	CBQL, tổ chuyên môn	Các loại Kế hoạch	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo	Không
Tiếp tục chỉ đạo GV làm	CBQL,	Kế hoạch nuôi	Năm học	Không

tốt hơn nữa việc xây dựng kế hoạch giáo dục, triển khai phù hợp, có hiệu quả với độ tuổi và điều kiện thực tế.	GV	dưỡng, chăm sóc, giáo dục của nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	2024-2025 và những năm học tiếp theo.	
Thường xuyên rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời nhằm không ngừng nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục toàn diện của nhà trường	CBQL, GV cốt cán, phụ huynh học sinh	Kế hoạch Kiểm tra nội bộ; biên bản, phiếu khảo sát đánh giá thực hiện chương trình giáo dục nhà trường	Năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) CBQL-GV-NV được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm 100% CBQL-GV-NV trong trường được tham gia, thảo luận đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định và quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường tại Hội nghị cán bộ viên chức như: Các mục tiêu, nhiệm vụ, phương hướng chiến lược phát triển nhà trường, quy chế dân chủ, quy chế làm việc, quy tắc ứng xử văn hóa trường học, quy chế chuyên môn, quy chế quản lý tài sản, thực hiện huy động trẻ ra lớp và các quy định khác liên quan đến các hoạt động của nhà trường [H1-1.1-04]; [H1-1.9-01]; [H1-1.9-02].

Trong những năm qua, nhà trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo,

kiến nghị, phản ánh của CBGV, NV, cha mẹ trẻ trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục và các hoạt động khác của nhà trường [H1-1.1-04]; [H1-1.9-03].

Hằng năm nhà trường làm tốt công tác báo cáo kịp thời lên cấp trên về kết quả thực hiện quy chế dân chủ tại đơn vị, có các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả [H1-1.9-03]; [H1-1.9-04].

Mức 2:

Nhà trường có biện pháp và cơ chế giám sát thực hiện tốt quy chế dân chủ đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả: công khai chất lượng chăm sóc, giáo dục, chất lượng đội ngũ GV, chất lượng học sinh, tài chính, tài sản, các kế hoạch của nhà trường, công tác thi đua, bình xét nâng lương, công tác Đảng, các văn bản liên quan đến chế độ chính sách CBGV, NV và kết quả xã hội hóa trên bảng tin, bảng công khai, báo cáo tổng kết của nhà trường để mọi người cùng biết [H1-1.9-03]; [H1-1.9-04].

2. Điểm mạnh

Hằng năm, nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ, đảm bảo 100% CBQL-GV-NV được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy chế hoạt động của nhà trường. Công tác dân chủ tại đơn vị luôn được chú trọng nên không có đơn thư khiếu nại, tố cáo. Nhà trường làm tốt công tác báo cáo kịp thời lên cấp trên về kết quả thực hiện quy chế dân chủ tại đơn vị. Có các biện pháp, cơ chế giám sát việc thực hiện theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch dưới mọi hình thức trong các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục thực hiện tốt công tác dân chủ, công khai minh bạch, phát huy quyền dân chủ của CBGV, NV trong việc góp ý nội quy quy chế, quy định liên quan đến các hoạt động của nhà	CBQL-GV-NV	Quy chế dân chủ, bảng công khai, trang Web của trường.	Năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo.	Không

trường.				
Lấy ý kiến dân chủ, bàn bạc của đội ngũ trong nhà trường trước khi thực hiện các nội dung phát huy quyền dân chủ của CBGV, NV trong việc góp ý nội quy quy chế, quy định liên quan đến các hoạt động của nhà trường.	CBQL	Quy chế dân chủ trong nhà trường, nội quy, quy chế trường học.	Năm 2024-2025 và trong các năm học tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) *Đảm bảo quy định về an ninh trật tự; an toàn vệ sinh thực phẩm; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; an toàn phòng chống tai nạn thương tích.*

b) *Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho CBQL-GV-NV và trẻ trong nhà trường;*

c) *Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.*

Mức 2:

a) *CBQL-GV-NV và trẻ được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;*

b) *Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường xây dựng đầy đủ các loại phương án thực hiện theo giai đoạn, theo năm học như: phương án đảm bảo an ninh trật tự; phương án vệ sinh an

toàn thực phẩm; phương án an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; phương án an toàn phòng, chống cháy, nổ; phương án an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phương án phòng, chống dịch bệnh; phương án phòng, chống các tệ nạn xã hội và phương án phòng, chống bạo lực trong nhà trường. Nhà trường có bản cam kết an toàn thực phẩm đối với bếp ăn tập thể [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]; [H1-1.10-03]; [H1-1.10-04]; [H1-1.10-05]; [H1-1.10-06]; [H1-1.10-07]; [H1-1.10-08].

Nhà trường có hòm thư góp ý được để ở nơi thuận lợi, có số điện thoại đường dây nóng để tiếp nhận, xử lý kịp thời các thông tin phản ánh của CB, GV, NV, phụ huynh, của người dân, các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp ý kiến. Đảm bảo an toàn cho CBQL-GV-NV và trẻ trong nhà trường [1.10-08].

Trong những năm học qua không có trường hợp nào có hiện tượng kỳ thị, không có CBQL-GV-NV nào có hành vi bạo lực với trẻ em và những hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường [H1-1.1-04]; [H1-1.3-05].

Mức 2:

Nhà trường xây dựng đầy đủ các phương án, quy chế phối hợp với công an xã về đảm bảo an ninh trật tự. Phổ biến, hướng dẫn cho tất cả CBQL-GV-NV và trẻ, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường thông qua các cuộc họp, sinh hoạt chuyên môn qua hệ thống bảng tuyên truyền của nhà trường; phối hợp với Công an xã trong việc đảm bảo công tác an ninh trật tự trong nhà trường, tổ chức cho Cán bộ, GV, NV tập huấn về công tác phòng chống cháy nổ [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]; [H1-1.10-03]; [H1-1.10-04]; [H1-1.10-05]; [H1-1.10-06].

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Trong các năm học không có hiện tượng bạo lực học đường trong nhà trường [H1-1.1-04]; [H1-1.3-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng phương án cụ thể về đảm bảo an ninh trật tự trong nhà trường: xây dựng phương án phòng chống cháy nổ, trang bị đầy đủ phương tiện phòng chống cháy nổ. Triển khai và hướng dẫn cụ thể tới toàn thể CBQL-GV-NV phương án đảm bảo an ninh trật tự trong nhà trường, phương án phòng chống cháy nổ, phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường. Nhà trường có hòm thư góp ý để tiếp nhận, xử lý các

thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho CBQL-GV-NV và trẻ trong nhà trường. Nhà trường thường xuyên kiểm tra thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Tuyệt đối không có biểu hiện kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tăng cường kiểm tra công tác bảo đảm an ninh trật tự trường học, phối kết hợp chặt chẽ với công an xã để bảo vệ tốt CSVC của nhà trường. Làm tốt công tác tham mưu, mua sắm bổ sung thiết bị phòng cháy chữa cháy, đăng ký cho CBQL-GV-NV tham gia lớp tập huấn về phòng cháy chữa cháy, giao nhiệm vụ cho NV bảo vệ thường xuyên kiểm tra các thiết bị phòng, chống cháy nổ.	CBQL-GV-NV, NV bảo vệ	Kế hoạch giai đoạn và kế hoạch từng năm học	Trong năm học 2024 - 2025 và các năm học tiếp theo	10 triệu đồng
Thường xuyên kiểm tra đôn đốc GV làm tốt công tác giáo dục trẻ, tuyệt đối không có biểu hiện kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường. Kiểm tra đảm bảo công tác vệ sinh an toàn thực phẩm cho trẻ em tại trường.	CBQL	Kế hoạch kiểm tra nội bộ, Kế hoạch bán trú	Năm học 2024-2025 và các năm tiếp theo các	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Nhà trường có phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Phương hướng xây dựng và phát triển nhà trường được phổ biến tới toàn thể CBQL-GV-NV nhà trường, Cha mẹ học sinh và các tổ chức, cá nhân quan tâm đến nhà trường bằng hình thức công khai tại nhà trường. Hội đồng trường, Ban Thanh tra nhân dân giám sát thường xuyên việc thực hiện kế hoạch phát triển nhà trường. Kế hoạch phát triển nhà trường hằng năm được rà soát, bổ sung điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tế.

Hội đồng trường được thành lập và hoạt động theo quy định của Điều lệ trường Mầm non. Hội đồng trường kịp thời quyết nghị các mục tiêu, kế hoạch và phương hướng phát triển của nhà trường phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, nhà trường. HĐ chấm sáng kiến và hội đồng thi đua khen thưởng được thành lập và hoạt động theo quy định. Các hội đồng của trường hoạt động hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ của trường.

CBQL có trình độ chuyên môn trên chuẩn, có năng lực và trách nhiệm trong công tác quản lý hoạt động giáo dục. Các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch cụ thể, có tính khả thi. Đội ngũ tổ trưởng các tổ chuyên môn, tổ văn phòng có tinh thần trách nhiệm, trình độ chuyên môn vững vàng, nhiệt tình tham gia công tác, gương mẫu đi đầu trong các hoạt động CSGD trẻ. Hằng năm các tổ chuyên môn căn cứ kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của ngành, của trường, căn cứ vào tình hình thực tế của tổ để đề xuất các chuyên đề chuyên môn với nhà trường.

Hằng năm, căn cứ số trẻ của các độ tuổi ở từng điểm trường tổ chức các nhóm, lớp một cách hợp lý, đảm bảo thuận lợi cho việc thực hiện chương trình GDMN. 100% trẻ ra lớp được học 02 buổi/ngày và ăn bán trú tại trường. Trẻ khuyết tật ra lớp học hòa nhập được bố trí vào các nhóm, lớp một cách phù hợp.

Nhà trường có đủ hồ sơ quản lý và hoạt động giáo dục theo quy định của Điều lệ trường Mầm non, các loại hồ sơ được lưu trữ đầy đủ, khoa học; thực hiện nghiêm túc việc lập dự toán, thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản theo quy định của Nhà nước, đảm bảo cho đơn vị có đủ nguồn lực tài chính đáp ứng cho nhu cầu hoạt động của đơn vị và sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục. Đã ứng dụng có hiệu quả CNTT trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản. Hằng năm nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Hàng năm, nhà trường ban hành quyết định phân công nhiệm vụ ngay từ đầu năm học cho cán CBQL-GV-NV phù hợp với năng lực trình độ từng người, qua đó nhà trường đề ra các biện pháp để phát huy được năng lực của từng cá nhân trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường; giao trách nhiệm quản lý chất lượng các điểm trường lẻ cho từng CBQL, GV cốt cán phụ trách. Thực hiện đúng, đủ, kịp thời chính sách cho CBQL-GV-NV. 100% CBQL-GV-NV trong đơn vị được đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp.

Chương trình GD của nhà trường bám sát chương trình GDMN của Bộ GD&ĐT ban hành và phù hợp với điều kiện thực tế địa phương, nhà trường và chú trọng thực hiện các hoạt động giáo dục theo quan điểm "Lấy trẻ làm trung tâm", tăng cường các hoạt động GD theo hướng thực hành, trải nghiệm. Lãnh đạo nhà trường thường xuyên kiểm tra rà soát, đánh giá việc xây dựng kế hoạch và chỉ đạo bổ sung, điều chỉnh kịp thời cho GV. Kế hoạch CSGD trẻ được tổ chức thực hiện nghiêm túc, linh hoạt, sáng tạo. Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, CSGD trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

100% CBQL-GV-NV trong đơn vị được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường, thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả. Nhà trường có các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ đảm bảo công khai, minh bạch và mang tính hiệu quả.

Tình hình an ninh và trật tự an toàn xã hội tại địa bàn luôn được đảm bảo. Nhà trường xây dựng các phương án để bảo vệ trật tự an ninh, phương án phòng, chống cháy, nổ trong phòng cháy, chữa cháy trong trường học và phổ biến tới toàn trường để kịp thời xử lý các tình huống bất thường xảy ra.

Triển khai đầy đủ các văn bản của cấp trên tới CBQL-GV-NV, trẻ em trong nhà trường khi có dịch bệnh xảy ra trên địa bàn, hướng dẫn cách phòng, chống dịch bệnh kịp thời.

Nhà trường tổ chức tuyên truyền giáo dục tốt nên không có hiện tượng kì thị, vi phạm về giới, bạo lực xảy ra trong nhà trường.

Nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở trong những năm qua không có đơn thư, khiếu nại hay tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường. Hàng năm báo cáo thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở đầy đủ. Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ của nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch hiệu quả. Làm tốt công tác đảm bảo công tác an

ninh trật tự, có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân, không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Kết quả tự đánh giá:

Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn: 10.

- Số tiêu chí đạt yêu cầu mức 1: 10/10.
- Số tiêu chí đạt yêu cầu mức 2: 10/10.
- Số tiêu chí đạt yêu cầu mức 3: 04/04.
- Số tiêu chí chưa đạt: 0.

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, NV

Mở đầu:

Nhà trường có đội ngũ CBQL-GV-NV có phẩm chất đạo đức tốt, tâm huyết với nghề nghiệp, 100% đội ngũ cán bộ GV, NV có trình độ đào tạo đạt chuẩn trở lên, trong đó tỷ lệ trên chuẩn đạt ở mức cao. Chất lượng, năng lực đội ngũ từng bước được nâng lên đáp ứng với nhiệm vụ CSGD trẻ theo Chương trình GDMN và yêu cầu đổi mới về GDMN trong giai đoạn hiện nay.

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng nhà trường có nhiều năm công tác liên tục trong GDMN, có trình độ đào tạo trên chuẩn, đã được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục và trung cấp lý luận chính trị; có năng lực quản lý nhà trường và khả năng ứng dụng CNTT trong công tác quản lý và chỉ đạo chuyên môn. Đội ngũ GV, NV nhà trường đảm bảo đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu. Đội ngũ có phẩm chất đạo đức tốt, tâm huyết với nghề nghiệp, có trình độ đào tạo trên chuẩn đạt ở mức cao. Chất lượng, năng lực đội ngũ đã từng bước được nâng lên đáp ứng với nhiệm vụ CSGD trẻ theo chương trình GDMN và yêu cầu đổi mới về GDMN trong giai đoạn hiện nay. Đội ngũ được bố trí công việc phù hợp với vị trí việc làm, giúp phát huy khả năng, năng lực của từng cá nhân. Cán bộ, GV và NV của nhà trường đều được tham gia các lớp bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, được đảm. bảo các quyền lợi, chế độ chính sách của Đảng, Nhà nước, của ngành. Hàng năm CBQL, GV được đánh giá xếp loại theo chuẩn Hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp GV Mầm non đạt ở mức khá cao. Không có cán bộ, GV và NV vi phạm pháp luật.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;

b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;

c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được GV, NV trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hiệu trưởng, 01 phó hiệu trưởng nhà trường đều đáp ứng được các tiêu chuẩn quy định tại Điều 10 Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 Ban hành Điều lệ trường mầm non. Hiệu trưởng có bằng tốt nghiệp đại học sư phạm Mầm non, có 19 năm công tác liên tục trong giáo dục Mầm non: Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng CBQL, có chuyên môn, nghiệp vụ, có đủ sức khỏe và năng lực tổ chức lãnh đạo nhà trường. Các phó hiệu trưởng, có bằng đại học sư phạm chuyên ngành giáo dục Mầm non và bằng thạc sĩ quản lý, phó hiệu trưởng có thời gian công tác liên tục 19 năm trong giáo dục Mầm non, đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng CBQL, có chuyên môn, nghiệp vụ, có đủ sức khỏe và năng lực tổ chức quản lý nhà trường [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02]; [1.6-02]; [H2-2.1-03].

Hằng năm hiệu trưởng được phòng GD&ĐT huyện Mường Chà đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng, đồng chí phó hiệu trưởng được hiệu trưởng đánh giá chuẩn phó hiệu trưởng theo thông tư 25/2018/TT-BGDĐT ngày 8/10/2018. Hiệu trưởng xếp loại tốt, 1 đồng chí phó hiệu trưởng xếp loại tốt [1.6-02];[H2-2.1-03];

02/02 CBQL đều được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định như: Bồi dưỡng chính trị, chuyên môn hè, bồi dưỡng các chuyên đề các...[H2-2.1-04]; [H2-2.1-05].

Mức 2:

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được phòng GD&ĐT đánh giá đạt từ mức khá trở lên theo quy định chuẩn hiệu trưởng trường mầm non. Năm học 2023-2024 Hiệu trưởng, phó hiệu

trưởng đều tự đánh giá xếp loại khá, tốt theo Quy định chuẩn hiệu trưởng trường Mầm non [H2-2.1-03]; [H2-2.1-04]; [1.6-02].

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng có bằng trung cấp lý luận chính trị theo quy định. Trong quá trình công tác BGH luôn được sự tín nhiệm của tập thể GV, NV trong trường đánh giá tốt về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và năng lực chuyên môn nghiệp vụ, luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ, được nhân dân trong địa bàn xã, phụ huynh học sinh, lãnh đạo các cấp đánh giá cao và khen thưởng [1.6-02]; [H2-2.1-04] [H2-2.1-06];

Mức 3:

Hàng năm, Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng đều được xếp loại tốt theo quy định Chuẩn Hiệu trưởng trường mầm non. Hiệu trưởng Điều Thanh Hương năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2023-2024 xếp loại tốt. Phó Hiệu trưởng Lò Thị Hòa từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024 xếp loại Tốt chuẩn Phó hiệu trưởng theo chuẩn Hiệu trưởng [H2-2.1-03]; [2.1-07].

2. Điểm mạnh

100% hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đảm bảo các yêu cầu theo quy định về trình độ đào tạo, năm công tác theo quy định. Tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục, lý luận chính trị. Có uy tín về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ, có năng lực tổ chức, quản lý điều hành các hoạt động của trường. Trong 05 năm liên tiếp hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng của nhà trường đều được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng từ mức tốt trở lên theo quy định chuẩn hiệu trưởng trường mầm non.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng tiếp tục tham gia bồi dưỡng, nâng cao về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục để được đánh giá xếp loại tốt theo chuẩn hiệu trưởng trường	Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	Kế hoạch học tập, bồi dưỡng	Năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo	Không

Mầm non.				
Tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý có hiệu quả, phát huy công tác quản lý năng động, sáng tạo. Tăng cường sử dụng phần mềm quản lý trường học hiệu quả hơn.	CBQL	Tích cực ứng dụng CNTT; Bồi dưỡng trình độ ngoại ngữ.	Trong năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Có đội ngũ GV đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục Mầm non theo quy định;

b) Tỷ lệ GV đạt chuẩn trình độ đào tạo đảm bảo quy định của Chính phủ và lộ trình nâng chuẩn trình độ đào tạo GV theo kế hoạch của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

c) Có ít nhất 95% GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có GV bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đội ngũ GV đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định cụ thể: Năm học

2024-2025 nhà trường có 29 GV đạt; tỷ lệ GV/nhóm trẻ là 1,7; đủ số lượng theo quy định, đảm bảo so với Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở GDMN công lập. Trong đó (GV dạy nhà trẻ 10 người; GV dạy MG: 19 người [H1-1.1-04]; [H1-1.7-02]).

100% GV đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên. Trong đó: Trình độ đạt chuẩn 1/29 chếm 3,4 %; trình độ trên chuẩn 28/29 đạt 96,6% đảm bảo quy định của Chính phủ và lộ trình nâng chuẩn trình độ đào tạo GV theo kế hoạch của tỉnh Điện Biên [1.6-02]; [1.6-08]; [H2-2.2- 01].

Hàng năm 100% GV đánh giá chuẩn nghề nghiệp GV mầm non đạt mức khá trở lên theo Thông tư 26/2018-TTBGDĐT ngày 8 tháng 10 năm 2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp GV mầm non [H2-2.2-02]; [1.6-02]; [2.1-07]; [H1-1.1-07];

Mức 2:

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức khá trở lên, trong đó GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức tốt 20/29 đạt 69%, GV xếp loại khá 9/29 đạt 31% [H2-2.2-02]; [1.6-02].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có GV bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.1-07]; [1.6-02].

Mức 3:

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức khá trở lên, trong đó có 20/29 đạt 69% GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức tốt, có 9/29 đạt 31% GV xếp loại khá [H2-2.2-02]; [2.1-07].

2. Điểm mạnh

Hàng năm nhà trường có đủ số lượng GV, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục Mầm non theo quy định. 100% GV đạt trình độ trên chuẩn. Hàng năm công tác đánh giá, xếp loại GV theo chuẩn nghề nghiệp được triển khai và thực hiện nghiêm túc. Từ năm học 2019-2020 đến thời điểm đánh giá nhà trường có 100% GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức khá tốt, trong đó có trên 69% đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức tốt. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có GV bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục chỉ triển khai, chỉ đạo CBQL-GV-NV thực hiện tốt các nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.	Hiệu trưởng	Kế hoạch phát triển nhà trường	Trong năm học 2024-2025 và các năm tiếp theo.	Không
Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho GV qua các hoạt động tập huấn chuyên môn, trao đổi về phương pháp và hình thức tổ chức nhóm lớp, dự giờ, sinh hoạt chuyên môn để nâng cao chất lượng đánh giá chuẩn nghề nghiệp GV mầm non.	CBQL-GV-NV	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn.	Trong năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo.	Không
Xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng tạo điều kiện cho 01 giáo viên có trình độ cao Đăng tham gia lớp Bồi dưỡng nâng chuẩn	GV	Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nâng chuẩn	Trong năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có NV bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

- a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;
- b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng**Mức 1:**

Năm học 2024 - 2025 nhà trường có tổng số 9 NV đảm bảo đủ theo quy định: gồm 02 NV bảo vệ; 01 NV y tế học đường kiêm thủ quỹ, 01 NV kế toán kiêm văn thư, 05 NV nấu ăn hợp đồng ngắn hạn.. Đội ngũ NV, GV kiêm nhiệm trong nhà trường đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công [1.6-02]; [1.6-08]; [2.3-01].

Các đồng chí NV trong nhà trường được hiệu trưởng phân công công việc rõ ràng, phù hợp với khả năng, năng lực, trình độ chuyên môn và năng lực thực tế của từng đồng chí [H1-1.7-02];

NV trong nhà trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được giao, thực hiện đúng nội quy, quy chế chuyên môn, nghiệp vụ, làm tốt công tác quản lý tài chính, tài sản, công tác tổ chức nấu ăn cho trẻ, công tác chăm sóc sức khỏe và bảo quản tốt CSVC trong nhà trường và hằng năm đều được hiệu trưởng đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H1-1.1-04]; [H2-2.3-02].

Mức 2:

Nhà trường có đủ số lượng NV theo quy định tại thông tư số 19/2023/TT-BGD&ĐT ngày 30/10/2023 của Bộ GD&ĐT Hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập. Trường có 9 NV: gồm 02 NV bảo vệ; 01 NV y tế học đường kiêm thủ quỹ, 01 NV kế toán kiêm văn thư, 05 NV nấu ăn hợp đồng ngắn hạn.. Đội ngũ NV của trường thực hiện tốt nhiệm vụ được giao [1.6-02]; [2.3-01].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có NV bị kỷ luật [H1-1.6-04]; [H1-1.1-04].

Mức 3:

Nhà trường có 01 NV y tế có trình độ đào tạo trung cấp đáp ứng được vị trí việc làm; 01 NV kế toán có bằng đại học đảm bảo về trình độ đào tạo. NV nấu ăn được tham gia bồi dưỡng vệ sinh, an toàn thực phẩm; NV bảo vệ được tham gia lớp tập huấn công tác bảo vệ. Tuy nhiên, 05 NV nấu ăn chưa có chứng

chỉ nấu ăn và y tế kiêm nhiệm công tác thư viện chưa có chứng chỉ về nghiệp vụ công tác thư viện [1.6-08]; [1.6-02]; [H2-2.3-03]; [H2-2.3-04].

Hàng năm NV y tế được bồi dưỡng công tác vệ sinh an toàn thực phẩm: NV văn thư thủ quỹ có bằng tốt nghiệp trung cấp, NV kế toán có bằng tốt nghiệp đại học, NV bảo vệ được bồi dưỡng về nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy, được tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở; NV nấu ăn được nhà trường bồi dưỡng kiến thức an toàn thực phẩm theo quy định [H2-2.3-03]; [H2-2.3-04];[H2-2.3-05]; [H2-2.3-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số lượng NV theo quy định Đội ngũ NV thực hiện đầy đủ, nghiêm túc nhiệm vụ, vị trí việc làm và các nhiệm vụ khác. Đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ, được bảo đảm chế độ, chính sách theo quy định. NV kế toán có bằng tốt nghiệp đại học, NV y tế có bằng tốt nghiệp trung cấp y sỹ đa khoa theo đúng chuyên môn được giao, được tham gia tập huấn về công tác VSATTP. NV trong trường đã thực hiện đầy đủ, nghiêm túc nhiệm vụ theo công việc chuyên môn và các nhiệm vụ kiêm nhiệm khác được giao. Hàng năm được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm. Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, 100% NV trong nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, không có NV bị kỉ luật.

3. Điểm yếu:

Nhà trường còn 01 NV bảo vệ chưa được bồi dưỡng về nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy, nghiệp vụ bảo vệ theo vị trí được phân công. 05 NV nấu ăn chưa có chứng chỉ nghề nấu ăn. Kế toán kiêm nhiệm công tác thư viện chưa có chứng chỉ về nghiệp vụ công tác thư viện.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Đề xuất bổ sung thêm NV cho nhà trường để thực hiện công tác văn thư, thủ quỹ, thư viện.	Hiệu trưởng	Tờ trình	Trong năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo năm học tiếp theo	Không

Thực hiện phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ đào tạo và năng lực làm việc của mỗi NV.	NV.	Phân công nhiệm vụ	Trong năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo	Không
Tham mưu cấp trên mở lớp tập huấn về chứng chỉ nghề nấu ăn, bồi dưỡng nghiệp vụ thư viện, bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư, đào tạo NV kế toán. Lập danh sách tạo điều kiện cho NV tham gia.	Hiệu trưởng, NV	Danh sách, tờ trình	Trong năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo	Không
Nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng chuyên môn cho các NV.	CBQL, NV y tế, nấu ăn.	Kế hoạch bồi dưỡng	Trong năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Hiệu trưởng, các Phó hiệu trưởng nhà trường có thời gian công tác lâu năm trong ngành GDMN, đạt trên chuẩn về trình độ đào tạo, có trình độ trung cấp lý luận chính trị, bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý giáo dục, có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực trong quản lý trường mầm non, nắm vững chương trình GDMN, có khả năng ứng dụng CNTT tốt trong quản lý, chỉ đạo.

Đội ngũ GV, NV của trường đủ về số lượng và đáp ứng yêu cầu về chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ. GV thực hiện nghiêm túc công tác CSGD trẻ theo chương trình GDMN, có tinh thần học tập, bồi dưỡng về mọi mặt để thực hiện chương trình GDMN, đáp ứng với yêu cầu đổi mới về GDMN trong giai đoạn hiện nay. 100% GV xếp loại khá, tốt theo quy định chuẩn nghề nghiệp GVMN. Trong 05 năm từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 GV, NV trong trường hằng năm được tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn, các lớp nâng chuẩn.

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Hiệu trưởng, các Phó hiệu trưởng được phòng GD&ĐT huyện đánh giá xếp loại Tốt theo Chuẩn Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng Trường mầm non. Đội ngũ GV, NV có trình độ trên

chuẩn, có lòng yêu nghề, mẫn trẽ, trách nhiệm trong công việc, luôn thực hiện tốt công việc được giao. Trong thời gian 05 năm không có GV, NV vi phạm kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

*** Kết quả tự đánh giá**

Tổng số tiêu chí được đánh giá: 03 tiêu chí

- Số tiêu chí đạt yêu cầu mức 1: 03/03.
- Số tiêu chí đạt yêu cầu mức 2: 03/03.
- Số tiêu chí đạt yêu cầu mức 3: 02/03.
- Số tiêu chí chưa đạt yêu cầu: 0.

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Trường mầm non số 1 Na Sang có tổng diện tích đất sử dụng là 4.627,9 m², khuôn viên xanh sạch đẹp, hệ thống cây xanh tạo bóng mát thường xuyên được cắt tỉa đẹp. Nhà trường có cổng trường, biển tên trường, tường bao quanh ngăn cách với bên ngoài. Có nguồn nước sạch đủ cho các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường, hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh. Các khu trải nghiệm cho trẻ. Có đủ các khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, phòng sinh hoạt chung, hiên chơi đảm bảo về diện tích và các thiết bị phục vụ cho công tác chăm sóc, giáo dục trẻ, các khối phòng giáo dục nghệ thuật, phòng giáo dục thể chất, thư viện của bé, văn phòng trường, phòng họp của GV. Nhà vệ sinh của GV và học sinh đảm bảo theo thông tư số 13/2020/TT- BGD&ĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 ban hành quy định tiêu chuẩn CSVC các trường mầm non và Thông tư 23/2024/TT- BGD-ĐT ngày 16 tháng 12 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn CSVC các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trường trung học phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TTBGDDT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT. Nhà trường có bếp ăn gồm: Khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn được thiết kế và tổ chức theo dây chuyền hoạt động một chiều, kho bếp được phân chia kho lương thực và kho thực phẩm, thiết bị bảo quản thực phẩm, đủ các thiết bị đồ dùng đảm bảo theo quy định, hằng năm được kiểm kê, sửa chữa, bổ sung nâng cấp đáp ứng nhu cầu tổ chức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Tiêu chí 3.1: Địa điểm, quy mô, diện tích đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Mức 1:

a) Vị trí đặt trường, điểm trường;

b) Quy mô

c) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích sàn xây dựng các hạng mục công trình.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Trường mầm non số 1 Na Sang đặt tại bản Co Đũa, xã Na Sang, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên, đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT Quy định tiêu chuẩn CSVC trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học do Bộ GD&ĐT: Phù hợp với quy hoạch phát triển giáo dục của địa phương; môi trường xung quanh bảo đảm an toàn đối với trẻ em, cán bộ, GV và NV; Có kết nối giao thông thuận lợi cho việc đưa đón trẻ em; đáp ứng yêu cầu phòng, chống cháy, nổ [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

Quy mô của Trường mầm non số 1 Na Sang đảm bảo theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư 23/2024/TT- BGD-ĐT ngày 16 tháng 12 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn CSVC các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trường trung học phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TTBGDDT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT: Trường có 17 nhóm, lớp (Trong đó: 6 nhóm trẻ và 11 lớp mẫu giáo) được bố trí, sắp xếp tại trung tâm và 6 điểm trường [1.6-08].

Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích sàn xây dựng các hạng mục công trình của nhà trường đảm bảo theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư 23/2024/TT- BGD-ĐT ngày 16 tháng 12 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn CSVC các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trường trung học phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TTBGDDT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT: Trường có tổng diện tích 4.627,9m², bình quân tối thiểu cho một trẻ 12,3m²/trẻ. Trong đó: Trung tâm 1.290m²; điểm Hin 1: 713m²; điểm trường Hin 2: 308m²; điểm trường Huổi Lóng A: 304,5m²; điểm trường Huổi Lóng B: 294m²; điểm trường Nậm Bó: 880,3m²; điểm trường Huổi Hạ: 838,1m². Diện tích sàn xây dựng là 2.786,8m²/4.627,9m²= 60,2%; diện tích sân vườn có 1.583,9/4.627,9m² = 33,8% (bao gồm sân chơi, bồn hoa, vườn rau, khu vui chơi trải nghiệm), đường nội bộ là 257.9/4.627,9m² = 6% đảm bảo theo quy định. Có bản đồ trích lục địa chính; hồ sơ thiết kế kỹ thuật. Điểm trường 5/6 đã có giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất và 01 điểm đã có sơ đồ trích đo và đang chờ cấp sổ đỏ [3.1-03].

2. Điểm mạnh:

Địa điểm, quy mô, diện tích của nhà trường đảm bảo theo quy định của Bộ GD&ĐT. Nhà trường có đủ diện tích đất sử dụng, diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu đảm bảo cho trẻ đảm bảo theo quy định. Môi trường xung quanh bảo đảm an toàn đối với trẻ em, cán bộ, GV và NV; Có kết nối giao thông thuận lợi cho việc đưa đón trẻ em; đáp ứng yêu cầu phòng, chống cháy, nổ. Trường có bồn hoa, cây cảnh, cây xanh tạo bóng mát, có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, khám phá, học tập, có khu vui chơi với các thiết bị và đồ chơi ngoài trời đảm bảo theo quy định. Có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời ngoài danh mục đảm bảo phù hợp với thực tế của nhà trường, đảm bảo an toàn cho trẻ.

3. Điểm yếu:

Tính đến thời điểm đánh giá các điểm trường: Hiện tại 1/6 điểm trường chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Còn 05 điểm trường: Huổi Hạ, Nậm Bó, Hin 1, Huổi Lóng A, Huổi Lóng B hàng rào chưa được xây dựng kiên cố (là hàng rào thép B40).

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Giải pháp/ Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tham mưu với các cấp lãnh đạo cấp kinh phí để xây dựng hàng rào kiên cố tại các điểm trường Huổi Hạ, Nậm Bó, Hin 1, Huổi Lóng A, Huổi Lóng B	CBQL-GV-NV	Phối hợp chính quyền địa phương; cha mẹ trẻ; Tham mưu Phòng GD&ĐT	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo	500 triệu đồng

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1

Tiêu chí 3.2: Các hạng mục công trình đảm bảo tiêu chuẩn CSVC tối thiểu đối với trường mầm non theo quy định của Bộ GD&ĐT

Mức 1:

a) Khối phòng hành chính quản trị;

b) Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

c) Khối phòng tổ chức ăn, khối phụ trợ;

Mức 2:

a) Khối phòng hành chính, quản trị

b) Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

c) Khối phụ trợ

Mức 3:

Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Nhà trường có đủ khối phòng hành chính - quản trị theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT- BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 ban hành Quy định tiêu chuẩn CSVC các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, gồm có: Văn phòng trường; phòng Hiệu trưởng; phòng phó Hiệu trưởng; phòng dành cho NV; phòng bảo vệ, phòng vệ sinh cho cán bộ GV, NV; khu để xe cho CBQL-GV-NV. Văn phòng trường có đầy đủ bàn ghế họp, ti vi, các bảng biểu, trang thiết bị cho CBQL-GV-NV họp và tổ chức các hoạt động khác; phòng Hiệu trưởng, các phó Hiệu trưởng có tủ, bàn làm việc, máy tính, bàn ghế tiếp khách và các phương tiện làm việc khác; phòng dành cho NV có tủ, đồ dùng, thiết bị đảm bảo yêu cầu; 01 phòng y tế có giường bệnh, tủ thuốc, có các trang thiết bị y tế và đồ dùng theo dõi sức khoẻ cho trẻ, có biểu bảng thông báo các biện pháp tích cực can thiệp chữa bệnh và chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng, trẻ béo phì, có bảng kế hoạch theo dõi tiêm phòng và khám sức khoẻ định kỳ cho trẻ, có tranh ảnh tuyên truyền chăm sóc sức khoẻ, phòng bệnh cho trẻ; nhà kho để dụng cụ chung và học phẩm của trường; phòng họp; phòng bảo vệ có đồ dùng, thiết bị đảm bảo yêu cầu; khu để xe dành cho CBQL-GV-NV, có mái che được bố trí, sắp xếp hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự. Các khối phòng hành chính - quản trị đảm bảo diện tích theo quy định [3.2-01].

Nhà trường có 17 phòng sinh hoạt chung với diện 720m², diện tích trung bình 45m²/trẻ, có hệ thống bóng điện đủ ánh sáng, có quạt điện đảm bảo cho hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ, hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông, có 16/17 nhóm, lớp mẫu giáo sử dụng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ cho trẻ, có 04 nhóm trẻ có phòng

ngủ riêng cho trẻ nhà trẻ, phòng ngủ riêng có đủ phản, chiếu, chăn, gối, quạt, hệ thống tủ đựng các đồ dùng phục vụ cho trẻ ngủ, thuận tiện khi sử dụng đảm bảo diện tích theo quy định; phòng giáo dục thể chất 60m² với đầy đủ đồ dùng đảm bảo đáp ứng được các hoạt động phát triển giáo dục thể chất cho trẻ, có 02 phòng giáo dục nghệ thuật 60m² trang bị đầy đủ đồ dùng (gương, gióng múa, đàn, dụng cụ âm nhạc...) phục vụ cho việc giáo dục nghệ thuật thẩm mỹ cho trẻ đảm bảo đáp ứng được các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Có 01 phòng thư viện được xây dựng theo đúng quy định tại Thông tư 16/2022-BGDĐT ngày 22/11/2022, Thông tư Ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông [3.2-03].

Bếp ăn của nhà trường được xây dựng bán kiên cố, độc lập với các khối phòng chức năng khác; gồm có khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn; được thiết kế và tổ chức theo dây chuyền hoạt động một chiều; kho bếp của nhà trường được phân chia riêng biệt kho lương thực và kho thực phẩm; có lối nhập, xuất hàng thuận tiện, độc lập và phân chia khu vực cho từng loại thực phẩm; có thiết bị bảo quản thực phẩm đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm. Nhà trường còn bếp ăn tại bản Huổi Hạ, Nậm Bó, Huổi Lóng A+B, chưa đảm bảo theo Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 do chưa được sắp xếp theo quy trình bếp một chiều. Trường có đủ các khối phụ trợ và đảm bảo theo quy định: Phòng họp 60 m², phòng y tế 12 m², nhà kho 12 m²; diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định về yêu cầu thiết kế trường mầm non ($2.786,8\text{m}^2/4.627,9\text{m}^2= 60,2\%$). Có cổng trường, biển tên trường theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 Ban hành Điều lệ trường mầm non, có hàng rào khuôn viên của trường, điểm trường được ngăn cách với bên ngoài bằng tường xây và B40 bảo đảm vững chắc, an toàn, khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện, an toàn cho trẻ vui chơi và học tập [3.2-01]; [H3 - 3.2-04]; [3.2-05].

Mức 2:

Nhà trường có đủ khối phòng hành chính - quản trị theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT- BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 ban hành Quy định tiêu chuẩn CSVC các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, gồm có: Văn phòng trường; phòng Hiệu trưởng; phòng phó Hiệu trưởng; phòng dành cho NV; phòng bảo vệ; phòng vệ sinh cho cán bộ GV, NV; khu để xe cho CBQL-GV-NV. Văn phòng trường có đầy đủ bàn ghế họp, ti vi, các bảng biểu, trang thiết bị cho CBQL-GV-NV họp và tổ chức các hoạt động khác; phòng Hiệu trưởng, các phó Hiệu trưởng có tủ, bàn làm việc, máy tính, bàn ghế tiếp khách và các phương tiện làm việc

khác; phòng dành cho NV có tủ, đồ dùng, thiết bị đảm bảo yêu cầu; 01 phòng y tế có giường bệnh, tủ thuốc, có các trang thiết bị y tế và đồ dùng theo dõi sức khoẻ cho trẻ, có biểu bảng thông báo các biện pháp tích cực can thiệp chữa bệnh và chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng, trẻ béo phì, có bảng kế hoạch theo dõi tiêm phòng và khám sức khoẻ định kỳ cho trẻ, có tranh ảnh tuyên truyền chăm sóc sức khoẻ, phòng bệnh cho trẻ; nhà kho để dụng cụ chung và học phẩm của trường; phòng họp; phòng bảo vệ có đồ dùng, thiết bị đảm bảo yêu cầu; khu để xe dành cho CBQL-GV-NV, có mái che được bố trí, sắp xếp hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự Các khối phòng hành chính – quản trị đảm bảo diện tích theo quy định [H1- 1.6-06]; [3.2-01]; [3.2-02].

Nhà trường có 17 phòng sinh hoạt chung với diện 720m², diện tích trung bình 45m²/trẻ, có hệ thống bóng điện đủ ánh sáng, có quạt điện đảm bảo cho hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ, hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông, có 13/17 nhóm lớp sử dụng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ cho trẻ, có 04 nhóm trẻ có phòng ngủ riêng đủ phản, chiếu, chăn, gối, quạt, hệ thống tủ đựng các đồ dùng phục vụ cho trẻ ngủ, thuận tiện khi sử dụng đảm bảo diện tích theo quy định; phòng giáo dục thể chất 70 m² với đầy đủ đồ dùng đảm bảo đáp ứng được các hoạt động phát triển giáo dục thể chất cho trẻ, có 02 phòng giáo dục nghệ thuật 60 m² trang bị đầy đủ đồ dùng (gương, gióng múa, đàn, dụng cụ âm nhạc...) phục vụ cho việc giáo dục nghệ thuật thẩm mỹ cho trẻ đảm bảo đáp ứng được các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Có 01 phòng thư viện được xây dựng theo đúng quy định tại Thông tư 16/2022- BGDĐT ngày 22/11/2022, Thông tư Ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông [3.2-03].

Trường có đủ các khối phụ trợ và đảm bảo theo quy định: Phòng họp, phòng y tế 60m², nhà kho 40m²; diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định về yêu cầu thiết kế trường mầm non ($2.786,8\text{m}^2/4.627,9\text{m}^2= 60,2\%$). Có cổng trường, biển tên trường theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 Ban hành Điều lệ trường mầm non, có hàng rào khuôn viên của trường, điểm trường được ngăn cách với bên ngoài bằng tường xây và B40 bảo đảm vững chắc, an toàn, khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện, an toàn cho trẻ vui chơi và học tập [3.2-08].

Mức 3:

Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường đảm bảo quy định tiêu chuẩn CSVC mức độ 1 đối với trường mầm non theo quy định

của Bộ GD&ĐT. Tuy nhiên, nhà trường chưa có phòng riêng cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học [3.2-03].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có đủ các khối phòng hành chính - quản trị theo quy định: Văn phòng trường, phòng Hiệu trưởng, phòng phó Hiệu trưởng, phòng họp, phòng y tế, phòng bảo vệ, phòng dành cho NV, nhà kho, phòng vệ sinh của CBGV, NV, khu để xe cho cán bộ, GV NV. Có đủ phòng sinh hoạt chung đảm bảo diện tích bình quân/trẻ, có 4 phòng ngủ riêng cho trẻ nhà trẻ, có đủ phản, chiếu, chăn, gối, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông. Các nhóm, lớp đều được xây dựng kèp kín đảm bảo diện tích theo quy định, có hệ thống bóng điện, quạt điện đảm bảo cho hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ. Các phòng học đều có hệ thống tủ, kệ, giá để đồ dùng đồ chơi đảm bảo và được sắp xếp hợp lý, thuận tiện, an toàn khi sử dụng. Nhà trường có 01 phòng giáo dục thể chất, 02 phòng giáo dục nghệ thuật đảm bảo về diện tích và đầy đủ các thiết bị, đồ dùng theo quy định. Có đầy đủ các khối phụ trợ. Các khối phòng, khối phụ trợ được xây dựng kiên cố, bán kiên cố đảm bảo diện tích, quy định theo Thông tư số 13/2020/TT- BGD-ĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 và đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non. Có đủ đồ dùng, trang thiết bị tối thiểu và được thiết kế phù hợp, thuận tiện cho các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu:

Nhà trường còn bếp ăn tại bản Huổi Hạ, Nậm Bó, Huổi Lóng A, Huổi Lóng B chưa đảm bảo theo Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 do chưa được sắp xếp theo quy trình bếp một chiều. Nhà trường chưa có phòng riêng cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học theo quy định của Bộ GD&ĐT.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo bổ sung trang thiết bị cần thiết cho các khối phòng phục vụ học tập của nhà trường. Xây dựng kế hoạch lộ trình làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục, tích cực tranh thủ	CBQL	Kế hoạch mua sắm bổ sung hàng năm. Kế hoạch vận động tài trợ; Tờ	Năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo	900 triệu đồng

các nguồn tài trợ để xây dựng bổ sung tài nguyên khai thác và sử dụng hiệu quả Xây dựng phòng tin học và ngoại ngữ		trình.		
Thường xuyên kiểm tra việc sử dụng, bảo quản các trang thiết bị, đồ dùng, tại các khối phòng học và các phòng chức năng (tin học và ngoại ngữ)	CBQL	Kế hoạch kiểm tra nội bộ	Năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo	Không
Hàng năm có kế hoạch tu sửa, thay thế và bổ sung thêm đồ dùng dụng cụ nhà bếp đảm bảo mục đích sử dụng trong công tác cho trẻ ăn bán trú tại trường đạt hiệu quả cao.	CBQL	Kế hoạch phát triển nhà trường, tờ trình.	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo	10 triệu đồng.
Xây dựng kế hoạch lộ trình làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục, tích cực tranh thủ các nguồn tài trợ để xây dựng bổ sung tài nguyên khai thác và sử dụng hiệu quả	CBQL	Kế hoạch vận động tài trợ	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo	800 triệu đồng

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 3.3: Hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình kiên cố và thiết bị dạy học đảm bảo tiêu chuẩn CSVC tối thiểu đối với trường mầm non theo quy định của Bộ GD&ĐT

Mức 1:

a) Hệ thống cấp nước sạch; hệ thống cấp điện; hệ thống phòng cháy, chữa cháy; hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc và khu thu gom rác thải;

b) Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố;

c) Thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi.

Mức 2:

Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố, mật độ sử dụng đất đảm bảo tiêu chuẩn CSVC mức độ 1 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Mức 3:

Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế Trường Mầm non.

1. Mô tả hiện trạng:**Mức 1:**

Trung tâm và các điểm trường sử dụng nguồn nước tự nhiên, có bình lọc nước đảm bảo vệ sinh, đáp ứng nhu cầu sử dụng, bảo đảm các quy định và tiêu chuẩn chất lượng nước theo quy định hiện hành; hệ thống thoát nước, cống thu gom kết hợp rãnh có nắp đậy và hệ thống xử lý nước thải bảo đảm chất lượng nước thải theo quy định trước khi thải ra môi trường; khu thu gom rác thải đảm bảo theo quy định khoản 03, Điều 05 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTNT-BYT ngày 15/5/2016 của Bộ GD&ĐT và Bộ y tế như có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, không để nước ứ đọng xung quanh trường, lớp, được bố trí độc lập, cách xa các khối phòng chức năng, ở cuối hướng gió; có lối ra vào riêng, thuận lợi cho việc thu gom, vận chuyển rác; có hệ thống thoát nước riêng, không ảnh hưởng đến môi trường, có thùng đựng và phân loại rác, tự thu gom rác thải vận chuyển đến nơi tập chung; hệ thống cấp điện tại trung tâm và các điểm trường Nậm Bó, Hìn 1, Hìn 2, Huổi Lóng A, Huổi Lóng B sử dụng điện lưới quốc gia, điểm trường Huổi Hạ sử dụng điện năng lượng mặt trời đảm bảo đủ công suất và an toàn phục vụ hoạt động của trường, điểm trường. Trung tâm trường và tất cả các điểm trường đều có sóng điện thoại và sử dụng mạng internet tốc độ cao và 4G. Tuy nhiên, điểm trường Huổi Lóng A sóng điện thoại yếu nên đôi lúc khó khăn trong liên lạc; Hệ thống phòng cháy, chữa cháy bảo đảm theo các quy định hiện hành [H1-1.10-04]; [H3-3.3-01]; [3.3-02]; [3.3-03]; [H3-3.3-04].

Các hạng mục công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố đảm bảo theo Quy định tại Thông tư số 13/2020/TT- BGD-ĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 và Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ GD&ĐT [3.1-03]; [3.2-01]; [3.2-02]; [3.2-03]; [3.2-06]; [3.2-07]; [3.2-08].

Nhà trường có đủ các thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ công tác chăm sóc, giáo dục trẻ em theo quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/03/2015 về ban hành danh mục đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non [H1-1.1-04]; [H1- 1.6-06].

Mức 2:

Các hạng mục công trình kiên cố và mật độ sử dụng đất đảm bảo tiêu chuẩn CSVC mức độ 1 đối với trường mầm non theo quy định của Thông tư số 13/2020/TT- BGD-ĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 và Thông tư 23/2024/TT- BGD-ĐT ngày 16 tháng 12 năm 2024. Trường có tổng diện tích 4.627,9m², bình quân tối thiểu cho một trẻ 1,50m²/trẻ. Trong đó: Trung tâm 1.290m²; điểm Hin 1: 713m², điểm trường Hin 2: 308m²; điểm trường Huồi Lóng A: 304,5m²; điểm trường Huồi Lóng B: 294m²; điểm trường Nậm Bó: 1.029m², điểm trường Huồi Hạ: 838,1m². Diện tích sàn xây dựng là 1.908m²/4.627,9m²=41%; diện tích sân vườn có 2.462/4.627,9m²=53% (bao gồm sân chơi, bồn hoa, vườn rau, khu vui chơi trải nghiệm), đường nội bộ là 257.9/4.627,9m² = 6% đảm bảo theo quy định [H3-3.1-01]; [3.1-03]; [3.2-01]; [3.2-03]; [3.2-06]; [3.2-07]; [3.2-08].

Mức 3:

Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố của nhà trường chưa đảm bảo quy định tiêu chuẩn CSVC mức độ 2 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ GD&ĐT [H3-3.1-01]; [3.1-03]; [3.2-01]; [3.2-02]; [3.2-03]; [3.2-06]; [3.2-07]; [3.2-08].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có đủ các khối phòng hành chính - quản trị theo quy định: Văn phòng trường, phòng Hiệu trưởng, phòng phó Hiệu trưởng, phòng họp, phòng y tế, phòng bảo vệ, phòng dành cho NV, nhà kho, phòng vệ sinh của CBGV, NV, khu để xe cho cán bộ, GV NV. Các khối phòng được xây dựng kiên cố, đảm bảo diện tích, quy định theo Thông tư số 13/2020/TT- BGD-ĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020, Thông tư 23/2024/TT- BGD-ĐT ngày 16 tháng 12 năm 2024 và đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non. Có đủ đồ dùng, trang thiết bị tối thiểu và được thiết kế phù hợp, thuận tiện cho các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu: Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố của nhà trường đạt 71,4%, còn 28,6 các hạng mục công trình được xây dựng bán kiên cố.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục sử dụng công năng hệ thống CSVC và sử dụng có hiệu quả trang thiết bị của các khối phòng	CBQL-GV-NV	Kế hoạch tài chính ngắn hạn, trung hạn; tờ trình	Trong năm học 2024-2025 và	65 triệu đồng

nhằm nâng cao chất lượng giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường. Đồng thời có kế hoạch kiểm tra thực trạng và đề ra những giải pháp cụ thể để nâng cấp tu sửa các hạng mục công trình.		tu sửa, nâng cấp các phòng	các năm học tiếp theo.	
Tham mưu với các cấp chính quyền; vận động các nguồn tài trợ từ các tổ chức đầu tư CSVC xây dựng các công trình, khối phòng kiên cố đảm bảo theo quy định về CSVC.	CBQL-GV-NV	Kế hoạch tài chính ngắn hạn, trung hạn; tờ trình xây dựng	Trong năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo.	5.600.000.000 đồng

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3.

Nhà trường được xây dựng kiên cố diện tích khuôn viên và các công trình đảm bảo theo quy định. Diện tích bình quân tối thiểu trên trẻ, diện tích sân vườn, diện tích sân chơi đảm bảo, được quy hoạch, thiết kế phù hợp giúp trẻ khám phá, học tập. Các nhóm lớp học và các khối phòng hành chính quản trị bảo đảm đủ diện tích và được bố trí sắp xếp phù hợp, có đầy đủ đồ dùng đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho từng khối lớp và thiết bị đồ dùng đồ chơi tự làm đảm bảo bền đẹp. Bếp ăn được xây dựng theo quy trình một chiều với đầy đủ các đồ dùng nhà bếp, có kho lưu trữ thực phẩm, có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn hàng ngày và đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm. Khu vệ sinh cho GV, trẻ được xây dựng đảm bảo diện tích, đủ các thiết bị, phương tiện vệ sinh, thuận tiện cho việc sử dụng. Có nguồn nước sạch đảm bảo vệ sinh, có hệ thống thu gom, xử lý rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường, vệ sinh phòng bệnh. Hằng năm nhà trường có kiểm kê, bảo quản và sử dụng có hiệu quả các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có. Có kế hoạch tu sửa và bổ sung các trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi kịp thời đảm bảo hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường.

Nhà trường chưa có phòng riêng cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học theo quy định của Bộ GD&ĐT. Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố của nhà trường chưa đảm bảo quy định tiêu chuẩn CSVC mức độ 2 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Đánh giá tiêu chuẩn 3:

Tổng số tiêu chí được đánh giá: 03 tiêu chí

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 1: 3/3

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 2: 2/2

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 3: 1/2

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội**Mở đầu:**

Thực hiện chủ trương “Sự nghiệp giáo dục là trách nhiệm của toàn xã hội”, nhà trường đã xây dựng được mối quan hệ chặt chẽ giữa Nhà trường - Gia đình - Xã hội, từng bước tranh thủ được sự quan tâm chăm lo cho sự nghiệp giáo dục của cộng đồng và toàn xã hội.

Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường, của lớp. Ban đại diện cha mẹ học sinh được hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh em; Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục, hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

Nhà trường chủ động trong công tác tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền địa phương và phối hợp với các tổ chức đoàn thể, cá nhân ở địa phương nhằm huy động các nguồn lực về tinh thần, vật chất để xây dựng CSVC, cảnh quan trường lớp xanh - sạch - đẹp và xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn tuyệt đối cho trẻ thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

1. Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh**Mức 1:**

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật,

chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường được thành lập và hoạt động theo quy định tại Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh: Tháng 9 hằng năm các lớp tổ chức họp phụ huynh để bầu ra Ban đại diện cha mẹ học sinh của các nhóm, lớp gồm: 01 trưởng ban, 01 Phó ban, 01 ủy viên; ban giám hiệu nhà trường cùng Ban đại diện cha mẹ học sinh của từng nhóm, lớp họp bầu ra Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường gồm: 01 trưởng ban, 01 Phó ban, 09 thành viên; Trong mỗi năm học Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp trường họp 2 lần/năm vào đầu năm học và kết thúc năm [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02].

Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường, lớp có kế hoạch hoạt động và tổ chức thực hiện theo đúng nhiệm vụ và quyền hạn của Ban đại diện cha mẹ học sinh theo năm học [H4-4.1-02]; [H4-4.1-03].

Hằng năm Ban đại diện cha mẹ học sinh triển khai, tổ chức thực hiện các nội dung hoạt động đảm bảo đúng tiến độ kế hoạch. Các nội dung đã được thảo luận, thống nhất trong các cuộc họp phụ huynh tại các nhóm lớp có hiệu quả cao [H4-4.1-02]; [H4-4.1-03]; [4.1-04].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường và của các nhóm/lớp phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục học sinh như: Tham gia cùng cô và trẻ trong các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ, hoạt động tham quan, trải nghiệm, tổ chức các ngày lễ trong năm như: Tổ chức tết trung thu, làm các loại bánh, giao lưu "Tôi yêu Việt Nam" xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm... Phối hợp với nhà trường hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục tới các bậc phụ huynh như: Chế độ hỗ trợ ăn trưa, hỗ trợ chi phí học tập, cấp bù miễn giảm học phí, chính sách trẻ khuyết tật, trẻ thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo [H1-1.1-04]; [H4-4.1-02] [H4-4.1-03].

Mức 3:

Hằng năm Ban đại diện cha mẹ học sinh đã phối hợp có hiệu quả với nhà

trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh, huy động các nguồn lực hỗ trợ nhà trường về tài chính, ngày công lao động, nguyên vật liệu để tu sửa CSVC, tôn tạo cảnh quan môi trường góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ [H1-1.1-04]; [H4-4.1-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường, nhóm, lớp. Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập và hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ, quyền hạn quy định, có kế hoạch hoạt động cụ thể theo năm học và tổ chức thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra. Ban đại diện cha mẹ học sinh phối kết hợp chặt chẽ với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ và hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ; tuyên truyền, hướng dẫn, chủ trương chính sách về giáo dục tới các bậc phụ huynh. Tích cực hỗ trợ nhà trường tôn tạo, tu sửa cảnh quan môi trường có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu:

Nguồn kinh phí các tổ chức cá nhân vận động tài trợ từ tại địa bàn xã Na Sang còn hạn chế do đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tổ chức họp phụ huynh học sinh các lớp/trường để kiện toàn Ban đại diện cha mẹ học sinh.	CBQL, GV, cha mẹ trẻ các lớp	Quy chế hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh.	Trong năm học 2024-2025 và các năm học tiếp.	Không
Thảo luận và xây dựng quy chế, kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh	Ban đại diện cha mẹ học sinh	Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh	Trong năm học 2024-2025 và các năm học tiếp.	Không
Nhà trường thông báo kế hoạch và lựa chọn thời gian họp lý khi tổ	CBQL, GV	Xây dựng kế hoạch để thực hiện	Năm học 2024-2025 và	Không

<p>chức các buổi họp hoặc kết hợp trực tiếp và trực tuyến để CMTE có mặt đầy đủ.</p> <p>Xây dựng kế hoạch đề GV các lớp phối kết hợp với Ban đại diện CMTE nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện cho trẻ em và các hoạt động giáo dục của nhà trường.</p>			<p>các năm học tiếp theo</p>	
--	--	--	------------------------------	--

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, các cá nhân của trường.

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng.

Mức 1:

Nhà trường đã chủ động và làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương xây dựng kế hoạch giáo dục, giải pháp cụ thể trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học để phát triển nhà trường như xây dựng mạng lưới quy mô trường, lớp, CSVC, huy động trẻ trong độ tuổi đến trường với 376 trẻ, trong đó: 6 nhóm trẻ NT với 124 trẻ, 11 lớp mẫu giáo với 252 đảm bảo duy trì đạt chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi [H1-1.1-04]; [H1-1.6-10].

Nhà trường tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, ngành giáo dục về mục tiêu, nội dung, kế hoạch giáo dục của nhà trường trong năm học dưới nhiều hình thức như: qua các buổi họp giữa nhà trường với cha mẹ trẻ, trao đổi với cha mẹ trẻ thông qua giờ đón trả trẻ hàng ngày [H1-1.1-04].

Nhà trường phối hợp với phụ huynh, các tổ chức, đoàn thể trong và ngoài xã, các cá nhân, doanh nghiệp huy động được gần: 4.000 ngày công lao động. Năm học 2024-2025: Nhà trường tiếp nhận tài trợ của các đoàn từ thiện Câu lạc bộ Đồng Tâm, Câu lạc bộ Thiện tâm xanh, đoàn hỗ trợ bằng hiện vật: xuất quà, thăm xộp, bữa ăn; Tiếp nhận và quản lý sử dụng sân chơi tại trung tâm trường do Sở xây dựng tỉnh Điện Biên hỗ trợ; Tiếp nhận và quản lý sử dụng nguồn tài trợ Nhóm giải thưởng Lý Tự Trọng 2018: Bếp nấu ăn tại Huổi Hạ và Dàn năng lượng mặt trời; Tiếp nhận và quản lý, trao tặng cho học sinh 52 áo ấm của thanh niên Niềm tin và 3 lớp học bán Kiên cố [H1-1.6-06]; [H1-1.1-04].

Mức 2:

Trong các năm qua nhà trường đã tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương tạo điều kiện từng bước thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; huy động trẻ trong độ tuổi ra lớp, xây dựng cảnh quan môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm; đề án tăng cường tiếng Việt; hoạt động trải nghiệm; tu sửa CSVC nhà trường; tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ như: chế độ ăn trưa, hỗ trợ chi phí học tập, trẻ dân tộc rất ít người, trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.1-01]; [H1-1.1-04].

Hằng năm, nhà trường phối hợp với các tổ chức, đoàn thể ở địa phương để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương: Phối hợp với Trạm y tế xã tuyên truyền phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe cho học sinh, phòng chống suy dinh dưỡng. Phối hợp với hội phụ nữ tuyên truyền vận động học sinh ra lớp đúng độ tuổi, tuyên truyền cách nuôi dạy con theo khoa học; phối hợp với Ban công an xã, đoàn thanh niên xã, hội cựu chiến binh xã, Mặt trận tổ quốc xã, các ban ngành đoàn

thể tổ chức ngày hội ngày lễ cho trẻ, tham gia ủng hộ cây ăn quả, cây bóng mát và chăm sóc vườn hoa cây cảnh nhằm xây dựng môi trường xanh - sạch - đẹp và môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn cho trẻ [H1-1.1-01]; H4-4.1-04].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ học sinh tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân; các tổ chức, đoàn thể ở địa phương, phụ huynh học sinh để xây dựng nhà trường có đời sống văn hóa tốt, tạo môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn cho trẻ [H4-4.2-01].

2. Điểm mạnh.

Trong 05 năm gần đây nhà trường đã tham mưu cho cấp ủy Đảng chính quyền địa phương tạo điều kiện từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường theo từng năm học và theo giai đoạn. Từ năm học 2020-2021 đến thời điểm đánh giá nhà trường đã huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp, của các tổ chức, cá nhân để tu sửa CSVC, xây dựng cảnh quan môi trường đáp ứng với yêu cầu chăm sóc, giáo dục trẻ. Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, huy động các nguồn lực để xây dựng cảnh quan trường lớp sạch đẹp, an toàn cho trẻ hoạt động. Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương. Nhiều năm liền nhà trường đạt danh hiệu đơn vị đạt chuẩn văn hóa.

3. Điểm yếu: Nguồn kinh phí các tổ chức cá nhân vận động tài trợ từ tại địa bàn xã Na Sang còn hạn chế do đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tham mưu với cấp ủy Đảng chính quyền và các tổ chức đoàn thể của địa phương để được hỗ trợ nguồn kinh phí đầu tư cho những hoạt động giáo dục hằng năm của nhà trường.	CBQL, các tổ chức đoàn thể	Các kế hoạch, tờ trình tham mưu với địa phương, các đoàn thể.	Trong các năm học 2024-2025 và các năm học tiếp.	50 triệu đồng

Phối kết hợp hài hòa các hình thức tổ chức giữa các đoàn thể địa phương với các hoạt động của nhà trường và có thêm nhiều hình thức phối hợp, giao lưu, tổ chức các cuộc thi gắn với nhiệm vụ của năm học để xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh hơn.	CBQL, GV, Ban đại diện cha học sinh.	Kế hoạch tuyên truyền, phối hợp với các ban ngành, đoàn thể.	Trong các năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo.	Không
--	--------------------------------------	--	---	-------

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Nhà trường có Ban đại diện Cha mẹ học sinh của trường, các nhóm /lớp có Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhóm/lớp hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện Cha mẹ học sinh. Trường có nhiều biện pháp và hình thức tuyên truyền về công tác chăm sóc - giáo dục trẻ. Làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền xã quan tâm, chăm lo đến sự nghiệp phát triển giáo dục của nhà trường. Thực hiện có hiệu quả công tác xã hội hóa giáo dục, huy động được các cá nhân, tổ chức, đoàn thể trong và ngoài địa bàn xã tham gia đóng góp các nguồn lực để xây dựng CSVC, cảnh quan trường lớp xanh, sạch, đẹp, an toàn, lành mạnh cho trẻ. Tuy nhiên Nguồn kinh phí các tổ chức cá nhân vận động tài trợ từ tại địa bàn xã Na Sang còn hạn chế do đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn

- Đánh giá tiêu chuẩn 4:

Số tiêu chí đạt yêu cầu mức 1: 02/02 tiêu chí;

Số tiêu chí đạt yêu cầu mức 2: 02/02 tiêu chí;

Số tiêu chí đạt yêu cầu mức 3: 02/02 tiêu chí;

Số tiêu chí chưa đạt yêu cầu: 0 tiêu chí.

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Mở đầu:

Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ vừa là mục tiêu, nhiệm vụ, vừa là giải pháp quan trọng trong suốt những năm học vừa qua của trường Mầm non Số 1 Mường Mươn. Tất cả các hoạt động được tổ chức trong trường đều hướng tới mục tiêu cốt lõi nhất là nâng cao chất lượng CSGD trẻ. Xác định mục tiêu quan trọng đó nên trong những năm qua công tác CSGD trẻ luôn được nhà trường quan tâm, chú trọng. Chất lượng CSGD trẻ ngày một nâng cao, tỷ lệ trẻ

suy dinh dưỡng có xu hướng giảm. Chất lượng giáo dục trẻ có nhiều chuyển biến tích cực, đa số trẻ có sự phát triển toàn diện về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ theo mục tiêu của Chương trình GDMN. Tỷ lệ trẻ đi học chuyên cần của nhà trường đạt ở mức cao, đặc biệt là trẻ mẫu giáo 5 tuổi. Hằng năm 100% số trẻ 5 tuổi đi học được đánh giá đạt các mục tiêu giáo dục của độ tuổi và hoàn thành chương trình GDMN.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục Mầm non.

Mức 1:

a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục Mầm non theo kế hoạch;

b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục Mầm non do Bộ GD&ĐT ban hành đáp ứng với mục tiêu, yêu cầu của Chương trình Giáo dục Mầm non phù hợp với điều kiện của địa phương và nhà trường;

c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục Mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.

Mức 2:

a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục Mầm non đảm bảo linh hoạt, hiệu quả, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương và trường mầm non;

b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục Mầm non do Bộ GD&ĐT ban hành, phù hợp với văn hóa điều kiện địa phương, trường mầm non và khả năng nhu cầu của trẻ.

Mức 3:

a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục Mầm non do Bộ GD&ĐT ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương;

b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Nhà trường và các nhóm/lớp đã tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non, các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ đảm bảo đúng tiến độ, thời gian theo Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục của trường, của lớp đã xây dựng [H1-1.1-04]; [H1-1.8-02].

Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ GD&ĐT ban hành đáp ứng với mục tiêu, yêu cầu của Chương trình giáo dục mầm non, phù hợp điều kiện của địa phương và nhà trường. Phát triển chương trình theo hướng tiếp cận phát triển, giáo dục hướng tới phát huy tối đa mọi tiềm năng của trẻ, đáp ứng nhu cầu, hứng thú của trẻ và chú trọng phát triển các kỹ năng thực hành trải nghiệm, dạy học lấy trẻ làm trung tâm, trẻ độc lập tự chủ trong tư duy và tự tin thể hiện cá tính và năng lực cá nhân, xây dựng lựa chọn mục tiêu, nội dung giáo dục cho năm học, từng chủ đề phù hợp với thực tế nhóm, lớp và nhà trường, khả năng nhận thức của học sinh, đưa công nghệ số vào Chương trình chăm sóc, giáo dục trẻ [H1-1.1-04]; [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

Định kỳ hàng tháng nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục Mầm non: Xây dựng kế hoạch, dự giờ, tổ chức chuyên đề, giáo án. Căn cứ vào kết quả kiểm tra nhà trường đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục Mầm non tại các nhóm lớp và chỉ đạo các nhóm lớp rà soát, điều chỉnh, bổ sung kịp thời kế hoạch phù hợp sát với nhu cầu của trẻ [H1-1.1-04]; [H1-1.6-04]; [H5-5.1-01].

Mức 2:

Nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục đảm bảo linh hoạt, hiệu quả, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương và của nhà trường. 100% các nhóm, lớp thực hiện linh hoạt, hiệu quả, phù hợp và chất lượng cao [H1-1.1-04]; [H1-1.6-04].

Nhà trường phát triển Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành phù hợp với văn hóa, điều kiện của địa phương, trường và khả năng, nhu cầu của trẻ: Lựa chọn các mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức, các sự vật hiện tượng gần gũi xung quanh trẻ xây dựng kế hoạch năm học, kế hoạch chủ đề/tháng/tuần/ngày phù hợp với bối cảnh truyền thống và nét văn hóa đặc trưng riêng của huyện Mường Chà, điều kiện của nhóm lớp, tận dụng nguyên vật liệu, học liệu sẵn có của địa phương để tổ chức cho trẻ hoạt động đáp ứng được khả năng và nhu cầu của trẻ [H1-1.1-04]; [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

Mức 3:

Nhà trường đã tổ chức thực hiện chương trình giáo dục Mầm non theo kế hoạch xây dựng trường Mầm non hạnh phúc, dựa vào điều kiện thực tế của địa phương và đặc điểm của các độ tuổi, phù hợp với văn hoá dân tộc, tham khảo chương trình giáo dục của các đơn vị trường lân cận; tham khảo chương trình giáo dục theo phương pháp steam, Stem vào công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ. [H1-1.8-01]; [H1-1.1-07].

Hàng năm, nhà trường tổng kết, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1.1-04]; [H1-1.6-04].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã tổ chức thực hiện Chương trình GDMN, các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ theo kế hoạch và đảm bảo chất lượng. Trên cơ sở Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành, nhà trường đã phát triển chương trình phù hợp quy định về chuyên môn của Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT huyện Mường Chà, phù hợp với điều kiện nhà trường; với văn hóa địa phương, có tham khảo chương trình giáo dục Stem/Steam của các nước trong khu vực và thế giới, ứng dụng theo hướng tiếp cận, tích hợp phương pháp dạy học Stem/Steam đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ. Hàng năm nhà trường định kỳ kiểm tra, rà soát, tổng kết, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục nhà trường và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp, đồng thời cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhận thức lực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường chỉ đạo GV xây dựng kế hoạch thực hiện và phát triển chương trình GDMN. Đánh giá việc thực hiện chương trình GDMN, tư vấn, hướng dẫn GV xây dựng kế hoạch lựa chọn các nội dung giáo dục phù hợp với đối tượng trẻ và điều kiện thực tế của từng nhóm, lớp.	CBQL, tổ trưởng, GV cốt cán.	Chương trình giáo dục mầm non; Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn CBQL, GV	Trong năm học 2024-2025 và các năm tiếp theo.	Không

Tiếp tục tham khảo và áp dụng Chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định vào tổ chức các hoạt động giáo dục có hiệu quả, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.	CBQL, tổ trưởng, GV cốt cán.	Bồi dưỡng chuyên môn CBQL, GV theo chương trình giáo dục của Bộ GD&ĐT, của nhà trường	Trong năm học 2024-2025 và các năm tiếp theo.	Không
Tổ chức các chuyên đề tổ có ứng dụng phương pháp giáo dục STEM bồi dưỡng nâng cao chuyên môn cho GV.	Tổ trưởng chuyên môn - GV cốt cán.	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn CBQL, GV, sinh hoạt chuyên đề	Trong năm học 2024-2025 và các năm tiếp theo.	Không

Tiêu chí: Đạt mức 2.

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

Mức 1:

a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ Mầm non và điều kiện nhà trường;

b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng mở, an toàn tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 2:

Tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và Giáo dục trẻ, đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục, nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục mầm non, phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 3:

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Hàng năm GV xây dựng kế hoạch giáo dục theo các độ tuổi. GV sử dụng linh hoạt các phương pháp trong tổ chức các hoạt động giáo dục đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với độ tuổi và điều kiện của nhà trường, địa phương [H1-1.8-01]; [H5-5.2-01].

Nhà trường tích cực chỉ đạo GV xây dựng, tổ chức môi trường giáo dục theo hướng mở, an toàn; tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm; Môi trường giáo dục cho trẻ được thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh ở mọi lúc mọi nơi, mang tính thiết thực, phù hợp với nhu cầu, khả năng, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế của nhà trường như: Thực hành, trải nghiệm trong các hoạt động học, hoạt động chơi, hoạt động lao động, vệ sinh, khu chơi với cát, sỏi, đá, khu phát triển vận động, vườn rau của bé, vườn hoa, chơi trò chơi. Tổ chức cho trẻ mẫu giáo đi tham quan trường tiểu học, trải nghiệm lễ hội, trải nghiệm bé làm chiến sĩ, bé vui đón tết, tiệc buffet, bé với an toàn giao thông và nhiều các hoạt động trải nghiệm rèn kỹ năng sống cho trẻ [H1-1.1-04]; [H1-1.8-05]; [H4-4.1-04].

GV các nhóm/lớp tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng, phù hợp độ tuổi của trẻ, dựa trên điều kiện thực tế của nhà trường như: Tổ chức các hoạt động giáo dục trong lớp học (Hoạt động chung, hoạt động góc,...) ngoài lớp học (Hoạt động giao lưu vận động, tạo hình, âm nhạc, dạo chơi hoạt động ngoài trời,...) hoạt động giao lưu tập thể giữa các lớp với nhau, tổ chức cho trẻ gói bánh chưng ngày tết, trẻ tham gia chăm sóc cây, tưới học...[H4-4.1-04].

Mức 2:

Trường đã chỉ đạo các nhóm, lớp căn cứ vào Chương trình giáo dục nhà trường, kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục, nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục mầm non, phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện thực tế của địa phương, nhà trường theo hướng lấy trẻ làm trung tâm [H1-1.1-04]; [H1-1.8-05]; [4.1-04].

Mức 3:

GV tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học linh hoạt phù hợp với nhu cầu và khả năng của trẻ. Ở các lớp mỗi góc chơi đều được thiết kế theo hướng mở, góc học Stem, trẻ có thể tháo lắp dễ dàng như góc làm quen với chữ cái của lớp 5-6 tuổi, góc khám phá khoa học, tạo cho trẻ có môi trường học đúng theo hướng trường Mầm non hạnh phúc,. Các nguyên vật liệu mở được sắp xếp dễ thấy, dễ lấy, giúp trẻ hứng thú trong hoạt động vui chơi học tập. ở các góc

chơi trẻ có hiểu cơ hội vui chơi trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”. Ví dụ như ở góc khám phá khoa học trẻ được chơi với các thổi nam châm và nhận thấy nam châm có thể hút sắt, không thể hút được các vật liệu khác. Hay với khu vui chơi khám phá âm thanh ngoài trời, trẻ dùng những thanh gỗ để gõ vào những lon bia, hộp bánh, chai nhựa tạo ra những âm thanh ngộ nghĩnh vui tai từ đó giúp trẻ nhận biết mỗi chất liệu có sẽ tạo ra các âm thanh khác nhau; cùng chất liệu những độ mỏng dày khác nhau thì âm thanh tạo ra cũng khác nhau [H1-1.8-01]; [1.1-03].

2. Điểm mạnh:

Bằng sự tâm huyết, tận tình cộng với sự say mê sáng tạo GV xây dựng, tổ chức môi trường giáo dục theo hướng mở, an toàn; tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm; Đã tạo ra nhiều sản phẩm, các nguyên liệu để kích thích sự hứng thú của trẻ. Các hoạt động giáo dục được tổ chức linh hoạt phù hợp chủ yếu dưới hình thức chơi giúp trẻ “ học bằng chơi, chơi mà học”. Nhà trường đã chỉ đạo GV sử dụng linh hoạt các phương pháp trong tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức, đa dạng, đảm bảo phù hợp với mục tiêu nội dung giáo dục, phù hợp độ tuổi của trẻ, dựa trên điều kiện thực tế của nhà trường. Chỉ đạo GV xây dựng môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm tạo điều kiện cho tất cả các trẻ được vui chơi, trải nghiệm.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhận thức lực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường chỉ đạo GV vận dụng sáng tạo các tiêu chí xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm khai thác hiệu quả môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học, tạo điều kiện cho trẻ có cơ hội học tập vui chơi và trải nghiệm.	CBQL tổ trưởng, GV cốt cán.	Kế hoạch giáo dục nhà trường, nhóm, lớp.	Trong năm học 2024-2025 và các năm tiếp theo.	25 triệu đồng

Chỉ đạo GV sáng tạo, linh hoạt tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học, tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ có nhiều cơ hội học tập, vui chơi và thực hành trải nghiệm. tổ chức hội thi xây dựng môi trường theo hướng stem	Ban giám hiệu, tổ chuyên môn, GV	Kế hoạch giáo dục nhà trường, nhóm, lớp.	Trong năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo	55 triệu đồng
--	----------------------------------	--	--	---------------

Tiêu chí: Đạt mức 3.

Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe.

Mức 1:

a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;

c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 3:

Có ít nhất 96% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Hằng năm nhà trường làm tốt công tác phối hợp với trung tâm y tế huyện, trạm y tế xã Na Sang tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ như: Khám sức khỏe định kỳ, cho trẻ uống vitamin, thuốc tẩy giun, cấp phát tờ rơi tuyên truyền về phòng chống dịch bệnh theo mùa [H5-5.3-01].

Hằng năm 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định tại Thông tư số 13/2016/TTLT - BYT- BGDĐT ngày 12/5/2016 của Bộ GD&ĐT quy định về công tác y tế trường học [H5-5.3-02]; [H1-1.1-04]; [H5-5.3-03].

Năm học 2024- 2025 tại thời điểm hiện tại, trường có 100% trẻ em được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định. Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi 17/376 chiếm 0,5% xuống còn 0,4%, suy dinh dưỡng thể thấp còi giảm từ 20/376 chêm 0,5% xuống 0,4% so với đầu năm học [H5-5.3-04]; [H5-5.3-05].

Mức 2:

Nhà trường đã chú trọng tới công tác tuyên truyền và tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, cách chăm sóc sức khỏe khoa học tại gia đình đảm bảo trẻ được phát triển thể chất và tinh thần. Các hoạt động tư vấn được thực hiện lồng ghép vào các buổi họp cha mẹ trẻ, giờ đón trả trẻ, phối hợp với y tế đội bản tuyên truyền tới cha mẹ trẻ về cách chăm sóc sức khỏe trẻ như: Tuyên truyền về phương pháp nuôi con bằng sữa mẹ, tổ chức bữa ăn cho trẻ đủ chất đủ lượng, cách lựa chọn thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng cho trẻ, tư vấn cho cha mẹ trẻ các hoạt động phát triển thể chất, bảo vệ tinh thần cho trẻ, cách chăm sóc trẻ bị ốm, phục hồi trẻ suy dinh dưỡng, tư vấn về thực hiện các quy định của Bộ y tế về phòng chống dịch bệnh cho trẻ [H5-5.3-04].

Nhà trường xây dựng thực đơn theo ngày, tuần và thay đổi phù hợp với từng mùa trong năm đảm bảo chế độ dinh dưỡng của trẻ em tại trường phù hợp với độ tuổi đảm bảo cân đối đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định như: Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn theo độ tuổi, số bữa ăn theo quy định, nước uống, tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng, chế biến hấp dẫn để trẻ ăn ngon miệng, hết khẩu phần [H3-3.2-04].

Công tác nuôi ăn bán trú được đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Lựa chọn nguồn thực phẩm tươi sống đảm bảo về chất lượng, thường xuyên theo dõi và nâng chất lượng khẩu phần ăn cho trẻ đảm bảo đủ lượng, đủ chất. Số trẻ suy dinh dưỡng giảm hàng năm. 100% trẻ suy dinh dưỡng được nhà trường quan tâm can thiệp bằng những biện pháp phù hợp như thường xuyên thay đổi khẩu phần ăn cho trẻ,

có chế độ dinh dưỡng hợp lý với từng trẻ, có kế hoạch luyện tập phù hợp [H5-5.3-05]; [H5-5.3-06].

Mức 3:

Năm học 2024-2025 tại thời điểm đánh giá, trường có 100% trẻ được cân đo và khám sức khỏe định kỳ, trường có 360/376 đạt 96% trẻ khỏe mạnh, cân nặng, chiều cao phát triển bình thường, có 96% trẻ khỏe mạnh, chiều cao phát triển bình thường [5.3-02]; [H1-1.1-04].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường làm tốt công tác phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ, 100% trẻ được khám sức khỏe định kỳ, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định. Đến thời điểm đánh giá trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi 17/376 chiếm 0,5% xuống còn 0,4%, suy dinh dưỡng thể thấp còi giảm từ 20/376 chếm 0,5% xuống 0,4% so với đầu năm học. Xây dựng chế độ dinh dưỡng của trẻ em tại trường phù hợp với độ tuổi, được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng. 100% trẻ suy dinh dưỡng được nhà trường quan tâm can thiệp bằng những biện pháp phù hợp như thường xuyên thay đổi khẩu phần ăn cho trẻ, có chế độ dinh dưỡng hợp lý với từng trẻ, có kế hoạch luyện tập phù hợp. Tính đến thời điểm đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ được cải thiện so với đầu năm học 0,31%. Công tác nuôi ăn bán trú được đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Lựa chọn nguồn thực phẩm tươi sống đảm bảo về chất lượng, thường xuyên theo dõi và nâng chất lượng khẩu phần ăn cho trẻ đảm bảo đủ lượng, đủ chất. Số trẻ suy dinh dưỡng giảm hàng năm, hạn chế được tốc độ tăng cân của trẻ thừa cân béo phì.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục phối hợp với trạm y tế xã Na Sang khám sức khỏe định kỳ, uống vitamin A, tẩy giun.	Ban giám hiệu, GV, NV y tế	Quy chế phối hợp giữa nhà trường và trạm y tế xã Na Sang	Trong năm học 2024-2025 và các năm tiếp theo	Không

CBQL nhà trường có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, đôn đốc tổ dinh dưỡng đảm bảo VSATTP, duyệt hồ sơ sổ sách nuôi ăn hàng tháng.	CBQL-GV-NV	Kế hoạch kiểm tra nội bộ.	Hàng tháng	Không
Nhà trường kết hợp cùng với GV trong việc chăm sóc cho trẻ và tuyên truyền tới cha mẹ trẻ về chế độ ăn và chăm sóc sức khỏe cho trẻ tại gia đình.	Ban giám hiệu, GV, NV y tế	Kế hoạch y tế và cộng đồng chăm sóc bảo vệ sức khỏe trẻ.	Trong năm học 2024-2025 và các năm tiếp theo	Không
Tuyên truyền phối kết hợp với cha mẹ trẻ để có biện pháp phục hồi dinh dưỡng và phòng chống dịch bệnh	Ban giám hiệu, y tế, GV, cha mẹ trẻ.	Kế hoạch y tế	năm học 2024-2025 và các năm tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục.

Mức 1:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 6 tuổi, 86% đối với trẻ dưới 6 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 86% đối với trẻ 6 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 6 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 6 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục Mầm non đạt ít nhất 86%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, được theo dõi thông qua kế hoạch giáo dục cá nhân. Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm và thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định.

Mức 2:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 96% đối với trẻ 6 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 6 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 6 tuổi, 86% đối với trẻ dưới 6 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 6 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục Mầm non đạt ít nhất 96%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.

Mức 3:

a) Tỷ lệ trẻ 6 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục Mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 96%;

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 86%.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Ngay từ đầu năm học nhà trường đã kết hợp với các ban ngành của địa phương, ban quản trị bản để tuyên truyền vận động trẻ em trong độ tuổi ra lớp nâng cao tỉ lệ trẻ đi học chuyên cần của nhà trường, GV làm tốt công tác phổ cập giáo dục rà soát nắm chắc trẻ trong độ tuổi từ 0 - 5 tuổi trong bản mình phụ trách. Hằng năm tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi đi học chuyên cần đạt từ 95% trở lên, tỷ lệ trẻ 5 tuổi đi học chuyên cần đạt từ 97% trở lên [H1-1.1-04]; [H1-1.1-07].

Hàng năm 100% trẻ 5 tuổi trong nhà trường hoàn thành Chương trình giáo dục Mầm non do Bộ GD&ĐT ban hành [H5-5.4-01].

Trẻ khuyết tật học hòa nhập được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân. Năm học 2022- 2023 nhà trường có 01 trẻ 5 tuổi khuyết tật học hòa nhập được theo dõi thông qua kế hoạch giáo dục cá nhân, có biện pháp quan tâm, hỗ trợ phù hợp với trẻ. Hằng năm, nhà trường chỉ đạo các nhóm lớp quan tâm đến những trẻ em khuyết tật và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, xây dựng kế hoạch giáo dục có lồng ghép các nội dung chăm sóc, giáo dục phù hợp với thực tế của nhóm lớp, nhận thức và điều kiện hoàn cảnh gia đình trẻ. Trẻ khuyết tật và trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm và thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định [H1-1.5-03].

Mức 2:

Hàng năm, tỷ lệ trẻ đi học chuyên cần đạt 95% trở lên đối với trẻ 5 tuổi, 97% đối với trẻ dưới 5 tuổi [H1-1.1-04]; [H5-5.3-05].

Hàng năm, tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN đạt 100% [H5-5.4-01].

Năm học 2022- 2023 nhà trường có 01 trẻ 5 tuổi khuyết tật học hòa nhập và được đánh giá sự tiến bộ đạt 85% [H1-1.5-03].

Mức 3:

Hàng năm, tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN đạt 100% [H5-5.4-01].

Năm học 2022- 2023 nhà trường có 01 trẻ 5 tuổi khuyết tật học hòa nhập và được đánh giá sự tiến bộ đạt 85% [H1-1.5-03].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã thực hiện tốt công tác chăm sóc giáo dục trẻ, thu hút tỷ lệ trẻ đến trường cao, tỷ lệ chuyên cần trẻ dưới 6 tuổi đạt trên 97%, tỷ lệ chuyên cần trẻ 6 tuổi đạt trên 98%, 100% trẻ mẫu giáo 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục Mầm non 5 tuổi.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhận thức lực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Làm tốt công tác tuyên truyền duy trì tỷ lệ chuyên cần của trẻ ở các thời điểm trước và sau tết nguyên đán, khi nhiệt độ hạ xuống thấp, thời điểm xảy ra dịch bệnh...	CBQL, GV, y tế.	Sổ theo dõi trẻ	Trong năm học 2024-2025 và các năm tiếp theo	Không
Chỉ đạo GV phối hợp chặt chẽ với y tế để theo dõi đánh giá sự tiến bộ của trẻ khuyết tật học hòa nhập, giáo dục phù hợp với thực tế của nhóm lớp và nhận thức của trẻ từng điều kiện hoàn cảnh gia đình trẻ.	CBQL, GV, y tế.	Kế hoạch giáo dục trẻ khuyết tật học hòa nhập.	Trong năm học 2024-2025 và các năm tiếp theo	Không

Tiêu chí: Đạt mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5.

Nhà trường đã xây dựng, triển khai thực hiện Chương trình Giáo dục Mầm non theo kế hoạch phù hợp với quy định về chuyên môn và điều kiện thực tế của nhà trường, địa phương. Tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục. Chú trọng xây dựng môi trường giáo dục trong và ngoài lớp an toàn, lành mạnh, thân thiện, tổ chức tốt các hoạt động khám phá, trải nghiệm, tham gia lễ hội, hát dân ca, ca dao, đồng dao... Có nhiều biện pháp để nâng cao chất lượng CSGD trẻ, do đó kết quả CSGD trẻ của nhà trường từng bước được nâng lên đạt ở mức cao: Tỷ lệ trẻ phát triển ở kênh bình thường về cân nặng, chiều cao hàng năm trên 97%, không có

trẻ béo phì. Tỷ lệ trẻ 5 tuổi đi học chuyên cần đạt ở mức cao trên 95%, hàng năm có 100% trẻ 6 tuổi hoàn thành chương trình GDMN5T.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 5:

Tổng số tiêu chí được đánh giá: 04 tiêu chí

Tổng số tiêu chí đạt yêu cầu mức 1: 4/4 tiêu chí

Tổng số tiêu chí đạt yêu cầu mức 2: 4/4 tiêu chí

Tổng số tiêu chí đạt yêu cầu mức 3: 3/4 tiêu chí

Tổng số tiêu chí không đạt yêu cầu mức 3: 0

II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4

Tiêu chí 1. Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non của Bộ GD&ĐT trên cơ sở tham khảo, áp dụng hiệu quả mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới; chương trình giáo dục thúc đẩy được sự phát triển toàn diện của trẻ, phù hợp với độ tuổi và điều kiện của nhà trường, văn hóa địa phương.

1. Mô tả hiện trạng.

Nhà trường xây dựng kế hoạch phát triển chương trình giáo dục mầm non do Bộ GD&ĐT ban hành trên cơ sở ứng dụng các phương pháp dạy học tiên tiến của các nước trong khu vực và trên thế giới như phương pháp giáo dục STEM/STEAM, ứng dụng công nghệ số vào chương trình giáo dục giúp trẻ phát triển toàn diện, phù hợp với độ tuổi và điều kiện của nhà trường, văn hóa địa phương [H1-1.1-05]; [H1-1.8-01].

2. Điểm mạnh.

Nhà trường đã căn cứ vào chương trình GDMN của Bộ GD&ĐT lựa chọn mục tiêu, nội dung để xây dựng chương trình giáo dục nhà trường. tham khảo ứng dụng giáo dục steam vào chương trình. Chương trình giáo dục đã thúc đẩy được sự phát triển toàn diện của trẻ, phù hợp với độ tuổi và điều kiện của nhà trường, văn hóa địa phương.

3. Điểm yếu.

Nhà trường ứng dụng giáo dục STEAM vào quá trình thực hiện chương trình giáo dục nhưng hiệu quả chưa cao; Việc tham khảo, áp dụng mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới chưa nhiều và chưa linh hoạt, hiệu quả đạt chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo, HT nhà trường tiếp tục tạo điều kiện cho CBQL-GV-NV được tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; CBQL, GV tiếp tục tham khảo, chọn lọc những mô hình, phương pháp Giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới để áp dụng hiệu quả vào điều kiện thực tế tại nhà trường phù hợp; tích cực tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương tiếp tục bổ sung trang thiết bị, đồ dùng hiện đại để nhà trường từng bước ứng dụng phương pháp giáo dục tiên tiến.	CBQL, GV.	Kế hoạch phát triển nhà trường; Kế hoạch thực hiện chương trình GDMN; Tích cực ứng dụng công nghệ thông tin.	Trong năm học 2024-2025 và các năm tiếp theo	Không

Tự đánh giá: Không đạt.

Tiêu chí 2. Ít nhất 90% GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức khá, trong đó ít nhất 40% GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 80% đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức tốt. Chất lượng đội ngũ GV đáp ứng được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng.

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường có 100% GV được đánh giá chuẩn nghề nghiệp GV ở mức khá trở lên. Năm học 2023-2024 chuẩn nghề nghiệp GV mầm non đạt mức tốt là 20/29 đạt 69%, mức khá 9/29 đạt 31%, mức đạt 0/29 đạt 0% [H2-2.2-02]; [1.6-02].

2. Điểm mạnh.

Nhà trường có đủ số lượng GV, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình GDMN theo quy định 100% GV đạt trình độ đạt chuẩn, trên chuẩn. Hàng năm công tác đánh giá, xếp loại GV theo chuẩn nghề nghiệp được triển khai và thực hiện nghiêm túc. 100% GV được đánh giá, xếp loại khá trở lên; trong đó tỷ lệ GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV đạt đạt mức tốt là 20/29 đạt 69%, mức khá 9/29 đạt 31%, mức đạt 0/29 đạt 0%. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có GV xếp loại chuẩn nghề nghiệp ở mức không đạt.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục tạo điều kiện cho CBGV, NV tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.	CBQL-GV-NV.	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn.	Trong năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo.	Không
Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho GV qua các hoạt động tập huấn chuyên môn, trao đổi về phương pháp và hình thức tổ chức nhóm lớp, dự giờ, sinh hoạt chuyên môn để nâng cao chất lượng đánh giá chuẩn nghề nghiệp GV mầm non.	CBQL-GV-NV.	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn.	Trong năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo.	Không
Có giải pháp tạo điều kiện cho giáo viên tham gia học đại học để nâng cao trình độ	CBQL	Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nâng chuẩn	Trong năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 3: Sân vườn và khu vực cho trẻ em chơi có diện tích đạt chuẩn hoặc trên chuẩn theo quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam về yêu cầu thiết kế

trường mầm non; có các góc chơi, khu vực hoạt động trong và ngoài nhóm lớp tạo cơ hội cho trẻ được khám phá, trải nghiệm, giúp trẻ phát triển toàn diện.

1. Mô tả hiện trạng.

Trường mầm non số 1 Na Sang có sân vườn và khu vực riêng cho trẻ thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động. Sân vườn của trường trồng các loại tạo cây bóng mát, chắn bụi và trang trí, sân vườn trong toàn trường có tổng diện tích 345,6 m²/64 trẻ đạt 5,4m²/trẻ đạt trên chuẩn theo quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam về yêu cầu thiết kế trường mầm non. Các góc chơi, khu vực hoạt động trong và ngoài nhóm lớp được bố trí, sắp xếp khoa học dễ cát, dễ lấy, dễ sử dụng, tạo cơ hội cho trẻ được khám phá, trải nghiệm, giúp trẻ phát triển toàn diện. Tuy nhiên, sân chơi của nhà trường chưa có đường chạy dài, hố cát và bể vầy nước. Sân vườn và khu vực cho trẻ chơi một số điểm bản chưa đạt chuẩn theo quy định về yêu cầu thiết kế trường mầm non tại điểm trường Huổi Lóng A, Huổi Hạ [H3-3.1-01]; [3.1-03].

2. Điểm mạnh.

Nhà trường có đủ diện tích đất sử dụng, diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu đảm bảo cho trẻ đảm bảo theo quy định, có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động. Có sân chơi chung và sân chơi của nhóm trẻ, lớp mẫu giáo. Trong sân vườn của nhà trường có bố trí khu đất để trẻ tập trồng trọt, chăm sóc. Có các góc chơi, khu vực hoạt động trong và ngoài nhóm lớp tạo cơ hội cho trẻ được khám phá, trải nghiệm, giúp trẻ phát triển toàn diện, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời ngoài danh mục đảm bảo phù hợp với thực tế của nhà trường, đảm bảo an toàn cho trẻ.

3. Điểm yếu.

Sân vườn và khu vực cho trẻ chơi ở một số điểm bản: Huổi Hạ, Huổi Lóng A còn chưa đủ diện tích so với số trẻ. Chưa đảm bảo đường chạy dài 30m, hố cát, chậu rửa tay, bể vầy nước cho trẻ hoạt động.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường phát huy những điểm mạnh và tham mưu với lãnh đạo phòng GD&ĐT huyện	CBQL-GV-NV.	Kế hoạch sửa chữa, bổ sung đồ dùng thiết bị;	Trong năm học 2024-2025 và những năm	30.000.000 đồng.

Mường Chà, đầu tư, nâng cấp CSVC, cảnh quan cho nhà trường.		xây dựng cảnh quan môi trường.	tiếp theo	
Thường xuyên bổ sung và chăm sóc cắt tỉa bồn hoa, cây cảnh tạo cảnh quan môi trường xanh sạch đẹp.	CBQL-GV-NV.	Kế hoạch sửa chữa, bổ sung đồ dùng thiết bị; xây dựng cảnh quan môi trường.	Trong năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo	Không
Xây dựng đường chạy dài 30m, hố cát, chậu rửa tay, bể vẩy nước cho trẻ hoạt động.	CBQL-GV-NV.	Kế hoạch xây dựng, cải tạo môi trường	Trong năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo	50.000.000 đồng.

5. Tự đánh giá: Không đạt.

Tiêu chí 4: 100% các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố. Có phòng tư vấn tâm lý. Có đầy đủ các trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Có khu vực dành riêng để phát triển vận động cho trẻ, trong đó tổ chức được 02 (hai) môn thể thao phù hợp với trẻ em lứa tuổi mầm non.

1. Mô tả hiện trạng.

Tỷ lệ công trình được xây dựng kiên cố nhà trường chưa đáp ứng được 100%. Nhà trường chưa có phòng tư vấn tâm lý, chưa có đầy đủ các trang thiết bị hiện đại để phục vụ cho các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Trường đã có khu vực dành riêng để phát triển vận động cho trẻ em nhưng chưa đảm bảo các điều kiện để tổ chức 02 môn thể thao phù hợp với trẻ [3.2-01]; [3.2-03].

2. Điểm mạnh.

Nhà trường có các phòng học và khu nhà hiệu bộ; có bàn ghế và các trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tương đối đầy đủ phục vụ công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Có khu vực dành riêng để phát triển vận động cho trẻ phù hợp với trẻ em lứa tuổi mầm non.

3. Điểm yếu.

Nhà trường còn chưa có phòng tư vấn tâm lý, chưa có trang thiết bị hiện đại ở một số điểm trường phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
tham mưu với Phòng GD&ĐT huyện Mường Chà đầu tư xây phòng kiên cố, phòng tư vấn tâm lý và đầu tư kinh phí mua sắm trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ đảm bảo theo quy định về yêu cầu thiết kế trường mầm non.	CBQL-GV-NV.	Kế hoạch sửa chữa, bổ sung đồ dùng thiết bị; xây dựng cảnh quan môi trường.	Trong năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Không đạt.

Tiêu chí 5. Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng.

Trong 05 năm liên tiếp nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường: Về quy mô trường lớp, cơ sở vật chất; phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên; chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; công tác quản lý tài chính, tài sản, công tác xã hội hóa huy động nguồn lực hợp pháp để phát triển nhà trường; các hoạt động phù hợp với văn hóa địa phương, đảm bảo tính khả thi. Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học hằng năm đều được công nhận Nhà trường đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến, Tập thể lao động xuất sắc. trong đó: Có 03 năm được UBND tỉnh tặng Bằng khen, 01 năm UBND huyện tặng giấy khen [H1-1.1-01]; [H1-1.1-04]; [H1-1.2-02]; [H1-1.8-04].

2. Điểm mạnh.

Trong 05 năm liên tiếp nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường. Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học hằng năm đều được UBND tỉnh công nhận Tập thể lao động xuất, trong đó: Có 01 năm được bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, 01 năm UBND Tỉnh

tặng cờ thi đua. Nhà trường đạt 100% các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Định kỳ hằng năm rà soát, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.	CBQL	Xây dựng các giải pháp chiến lược phát triển của nhà trường cho những giai đoạn	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo.	Không
Công khai phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường bằng hình thức niêm yết tại bảng tin, đăng tải trên Website của nhà trường để toàn thể CBGV, NV nhà trường, các bậc phụ huynh, nhân dân được biết và tham gia góp ý.	CBQL-GV-NV	Trang thông tin điện tử, bảng tin của trường.	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo.	Không
Kế hoạch phát triển nhà trường năm học một số nội dung cần xây dựng mốc thời gian thực hiện nhiệm vụ các tháng trong năm học	CBQL.	Kế hoạch phát triển nhà trường.	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 6. Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 02 năm đạt kết quả giáo dục và các hoạt động khác vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp có thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng.

2 Năm học 2020-2021 và năm học 2022-2023 kết quả chất lượng giáo dục của nhà trường đã đạt trên 95%. Năm học 2020-2021, nhà trường tặng bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, năm học 2022-2023 nhà trường được UBND Tỉnh tặng cờ thi đua [H1-1.1-02]; [H1-1.8-04].

2. Điểm mạnh.

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá kết quả giáo dục và các hoạt động khác của nhà trường nhà trường đều đạt và vượt chỉ tiêu, kế hoạch giao, hằng năm được cấp có thẩm quyền công nhận. Năm học 2020-2021, nhà trường tặng bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, năm học 2022-2023 nhà trường được UBND Tỉnh tặng cờ thi đua. Trong các năm học, nhà trường đều được các cấp có thẩm quyền khen thưởng và ghi nhận.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục thực hiện tốt các phong trào thi đua, phát huy những kết quả đã đạt được và phấn đấu trong thời gian tới tập trung huy động mọi nguồn lực về con người, CSVC, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đảm bảo theo quy định nâng cao chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc, GD trẻ, đạt kết quả GD vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng.	CBQL-GV-NV, trẻ em	Kế hoạch, các phong trào thi đua	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo	Không
Nhà trường tiếp tục thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng giáo dục trẻ như: Tổ chức và thực hiện tốt chương trình giáo dục nhà trường, tăng cường tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng thực hành, trải nghiệm và sáng tạo; tổ chức tốt các hội thi của trẻ; tiếp	CBQL-GV-NV	Kế hoạch thực hiện chương trình GDMN; Kế hoạch tuyển sinh năm học.	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo.	Không

tục tuyên truyền vận động phụ huynh học sinh duy trì tốt tỷ lệ chuyên cần của trẻ.				
--	--	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt.

Kết luận Tiêu chí Mức 4:

Nhà trường phát triển Chương trình GDMN của Bộ GD&ĐT, chương trình giáo dục nhà trường thúc đẩy được sự phát triển toàn diện của trẻ em. Nhà trường xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục mầm non theo kế hoạch, trên cơ sở ứng dụng phương pháp dạy học tiên tiến của các nước trong khu vực và trên thế giới như STEM/STEAM, ứng dụng công nghệ số phù hợp theo quy định về chuyên môn của các cơ quan quản lý giáo dục cấp trên, phù hợp với thực tế của nhà trường giúp trẻ phát triển toàn diện, phù hợp với độ tuổi và điều kiện của nhà trường, văn hóa địa phương; định kỳ rà soát, đánh giá và điều chỉnh, bổ sung kịp thời phù hợp với bối cảnh văn hóa địa phương, đáp ứng nhu cầu và khả năng, hứng thú của trẻ. 100% GV đạt chuẩn nghề nghiệp đạt mức khá trở lên, chất lượng đội ngũ GV đáp ứng được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

Trường có các phòng học và khu nhà hiệu bộ; có bàn ghế và các trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tương đối đầy đủ phục vụ công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Đến thời điểm đánh giá, nhà trường đã cơ bản đạt được các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường. Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá kết quả giáo dục và các hoạt động khác của nhà trường nhà trường đều đạt và vượt chỉ tiêu, kế hoạch giao, hằng năm được cấp có thẩm quyền công nhận. Năm học 2020-2021, nhà trường tặng bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, năm học 2022-2023 nhà trường được UBND Tỉnh tặng cờ thi đua.

Bên cạnh những điểm mạnh nhà trường vẫn còn những điểm yếu như: Sân chơi của nhà trường chưa có đường chạy dài, hố cát và bể vầy nước. Sân vườn và khu vực cho trẻ chơi một số điểm bản chưa đạt chuẩn theo quy định về yêu cầu thiết kế trường mầm non. Nhà trường chưa đáp ứng được 100% các công trình được xây dựng kiên cố, cụ thể: Tỷ lệ công trình xây dựng bán kiên cố nhà trường cao. Trường chưa có phòng tư vấn tâm lý, trang thiết bị hiện đại chưa đầy đủ phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Chưa tổ chức được 02 (hai) môn thể thao phù hợp với trẻ em lứa tuổi mầm non.

Đánh giá tiêu chí Mức 4:

- Tổng số tiêu chí của mức 4: 6 tiêu chí

Số tiêu chí đạt yêu cầu Mức 4: 03/06 tiêu chí.

Số tiêu chí chưa đạt yêu cầu Mức 4: 03/06 tiêu chí.

Phần III.

KẾT LUẬN CHUNG

Trong 5 năm liên tiếp Trường mầm non số 1 Na Sang luôn phấn đấu các tiêu chí của kiểm định chất lượng cấp độ 2 và trường chuẩn quốc gia mức độ 1. Nhiều năm liên tiếp thể nhà trường đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc và được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen, Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên tặng cờ thi đua. Nhà trường không ngừng phát triển ổn định, bền vững, uy tín của nhà trường với ngành học, với các cấp lãnh đạo, chính quyền địa phương và các bậc phụ huynh ngày càng được nâng lên.

CSVC của nhà trường khang trang, hiện đại, có khuôn viên rộng rãi môi trường xanh - sạch - đẹp - an toàn và thân thiện. Trang thiết bị phục vụ công tác quản lý, dạy và học của nhà trường hàng năm đều được được đầu tư, bổ sung thường xuyên đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ ngày càng cao.

Đội ngũ cán bộ GV của trường có phẩm chất đạo đức và có năng lực chuyên môn nghiệp vụ, nhiệt tình, có trách nhiệm trong công việc được giao, nhiều GV có phương pháp giảng dạy tốt. Có 100% cán bộ, GV nhà trường có trình độ trên chuẩn, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của đổi mới giáo dục. Thực hiện nghiêm túc nội dung chương trình GDMN theo quy định của Bộ GD&ĐT, phương pháp dạy học được đổi mới phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của trẻ.

Chất lượng CSGD trẻ của nhà trường trong nhiều năm qua đều đạt 100%, trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN hàng năm đều 100%.

Được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Phòng GD&ĐT huyện Mường Chà, của Đảng uỷ chính quyền địa phương cùng với sự nỗ lực cố gắng phấn đấu không ngừng của tập thể cán bộ, GV, trẻ, phụ huynh của nhà trường. Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá theo đúng quy trình 5 tiêu chuẩn, 22 tiêu chí. Các tiêu chuẩn được đánh giá chính xác, khách quan phản ánh đúng chất lượng CSGD trẻ và các hoạt động giáo dục khác trong nhà trường. Đối chiếu với các thành quả về hoạt động giáo dục mà nhà trường đã đạt được trong 5 năm qua với Bộ tiêu chuẩn tự đánh giá trường mầm non được Bộ GD&ĐT ban hành, nhà trường đã đạt được những kết quả cụ thể như sau:

Mức 1: - Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 22/22 tiêu chí đạt 100%

Mức 2: - Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 21/21 tiêu chí đạt 100%

Mức 3: - Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 12/15 tiêu chí đạt 80%

Mức 4: - Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 3/6 tiêu chí đạt 50%

*** Trường mầm non tự đánh giá.**

Căn cứ Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non và Thông tư 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Bộ GD&ĐT Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; văn bản hợp nhất số 13/VBHN-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ GD&ĐT ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn Quốc gia đối với trường mầm non.

Căn cứ kết quả tự đánh giá của nhà trường, Trường mầm non số 1 Na Sang đạt kiểm định chất lượng cấp độ 2 và trường chuẩn quốc gia mức độ 1.

Trường mầm non số 1 Na Sang đề nghị các cấp có thẩm quyền xem xét công nhận kết quả tự đánh giá của nhà trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2, đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1.

Trên đây là toàn bộ báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục của Trường mầm non số 1 Na Sang về công tác Kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non. Kính mong được cơ quan chủ quản, cấp ủy chính quyền địa phương, các thành viên trong Hội đồng đánh giá ngoài đóng góp ý kiến để công tác tự đánh giá của nhà trường ngày càng chất lượng và hoàn thiện hơn./.

Phần IV. PHỤ LỤC

(Có danh mục mã hóa minh chứng kèm theo)

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (Báo cáo);
- Phòng GD&ĐT (Báo cáo);
- Lưu NT.

Mường Chà, ngày 2 tháng 4 năm 2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ



**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON SỐ 1
NA SANG**

Điêu Thanh Hương

